



PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX – CTCP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

đề tiến xa hơn





MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY PLC

- 6 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 8 Thông tin khái quát
- 9 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 18 Giới thiệu Ban Điều hành
- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 25 Chiến lược và định hướng phát triển

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 28 Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của tổng công ty PLC
- 34 Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc
- 39 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 41 Tổ chức và nhân sự
- 45 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 46 Tình hình tài chính hợp nhất
- 47 Báo cáo tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các công con, công ty liên kết
- 49 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn cổ phần của chủ sở hữu

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- 52 Cơ cấu và hoạt động của hội đồng quản trị
- 56 Cơ cấu và hoạt động của ban kiểm soát
- 57 Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát
- 62 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc và ban kiểm soát
- 62 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 66 Mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển bền vững
- 66 Tiêu chuẩn môi trường
- 68 Hiệu quả kinh tế
- 69 Tiêu chuẩn xã hội

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 70 Báo cáo tài chính hợp nhất

GIỚI THIỆU VỀ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX – CTCP

- 6 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 8 Thông tin khái quát
- 9 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 18 Giới thiệu Ban Điều hành
- 20 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 22 Danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu



THÔNG điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Năm 2020 là một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19; thị trường dầu mỏ năm 2020 có nhiều biến động ảnh hưởng rất lớn đến công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (Tổng công ty PLC) trong năm 2020.

Với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị Tổng công ty cùng với thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành của Ban điều hành, sự giúp đỡ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, các đối tác, bạn hàng và đặc biệt là hệ thống các công ty Xăng dầu cùng với những nỗ lực vượt qua khó khăn của toàn thể CB-NLĐ trong thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch, vừa duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tạo điều kiện ổn định và phát triển. Nhờ đó, Tổng công ty PLC đã vượt qua một năm 2020 đầy những khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và được Lãnh đạo Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ghi nhận và biểu dương: "Tổng công ty PLC nổi lên như một điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của ngành xăng dầu".

Tổng sản lượng tiêu thụ 3 ngành hàng Dầu nhờn, Nhựa đường, Hóa chất của Tổng công ty PLC thực hiện trong năm 2020 là 420.433 tấn/m³, đạt 121,56% kế hoạch năm được phê duyệt và bằng 108,70% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng doanh thu, thu nhập hợp nhất toàn Tổng công ty PLC thực hiện năm 2020 là 5.701.613 triệu đồng, đạt 113,05% kế hoạch năm và bằng 91,49% so với cùng kỳ năm trước. Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020 đạt hơn 189,9 tỷ đồng, vượt tới 37,64% kế hoạch năm 2020 được giao và tăng 2,47% so với năm 2019.

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 là thành quả của sự nỗ lực không ngừng, kết quả làm việc nghiêm túc, đoàn kết và cầu thị từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ, người lao động Tổng công ty PLC. Năm 2021 tiếp tục là một năm nhiều biến động, Tổng công ty PLC mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các Quý vị cổ đông và nhà đầu tư.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm lựa chọn và ủng hộ HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Đỗ Hữu Tạo

“

Tổng công ty PLC đã vượt qua một năm 2020 đầy những khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và được Lãnh đạo Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ghi nhận và biểu dương: "Tổng công ty PLC nổi lên như một điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của ngành xăng dầu".

”



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TỔNG QUAN CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY PLC

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP tiền thân là Công ty Dầu nhờn, được thành lập ngày 09/06/1994. Ngày 13/10/1998, Công ty Dầu nhờn được đổi tên thành Công ty Hóa dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Ngày 23/12/2003, Công ty Dầu nhờn được cổ phần hóa. Ngày 01/03/2004 Công ty CP Hóa dầu Petrolimex chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 150 tỷ đồng, trong đó Petrolimex nắm giữ cổ phần chi phối với tỷ lệ 85%. Trải qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện nay, vốn điều lệ của Tổng công ty PLC đã đạt mức 807,988 tỷ đồng, trong đó Petrolimex sở hữu 79,07% vốn điều lệ.

Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất. Hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con (gồm Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex), Tổng công ty PLC đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty PLC. Định hướng phát triển của Tổng công ty PLC là tập trung củng cố vị thế của thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế.

Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
Tên viết tắt	PLC
Giấy CNĐKDN số	0101463614
Vốn điều lệ	807.988.390.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988.390.000 đồng
Địa chỉ:	Tầng 18 & 19, Số 229 phố Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(024) 38513205
Fax:	(024) 38513207
Website	http://www.plc.petrolimex.com.vn
Mã chứng khoán	PLC
Sàn niêm yết cổ phiếu tại	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ngày bắt đầu niêm yết	27/12/2006
Số lượng CP niêm yết	80.798.839 cổ phần

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:



TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
(TỔNG CÔNG TY PLC)



Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực sản phẩm dầu mỏ và khí đốt



Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;



Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu;

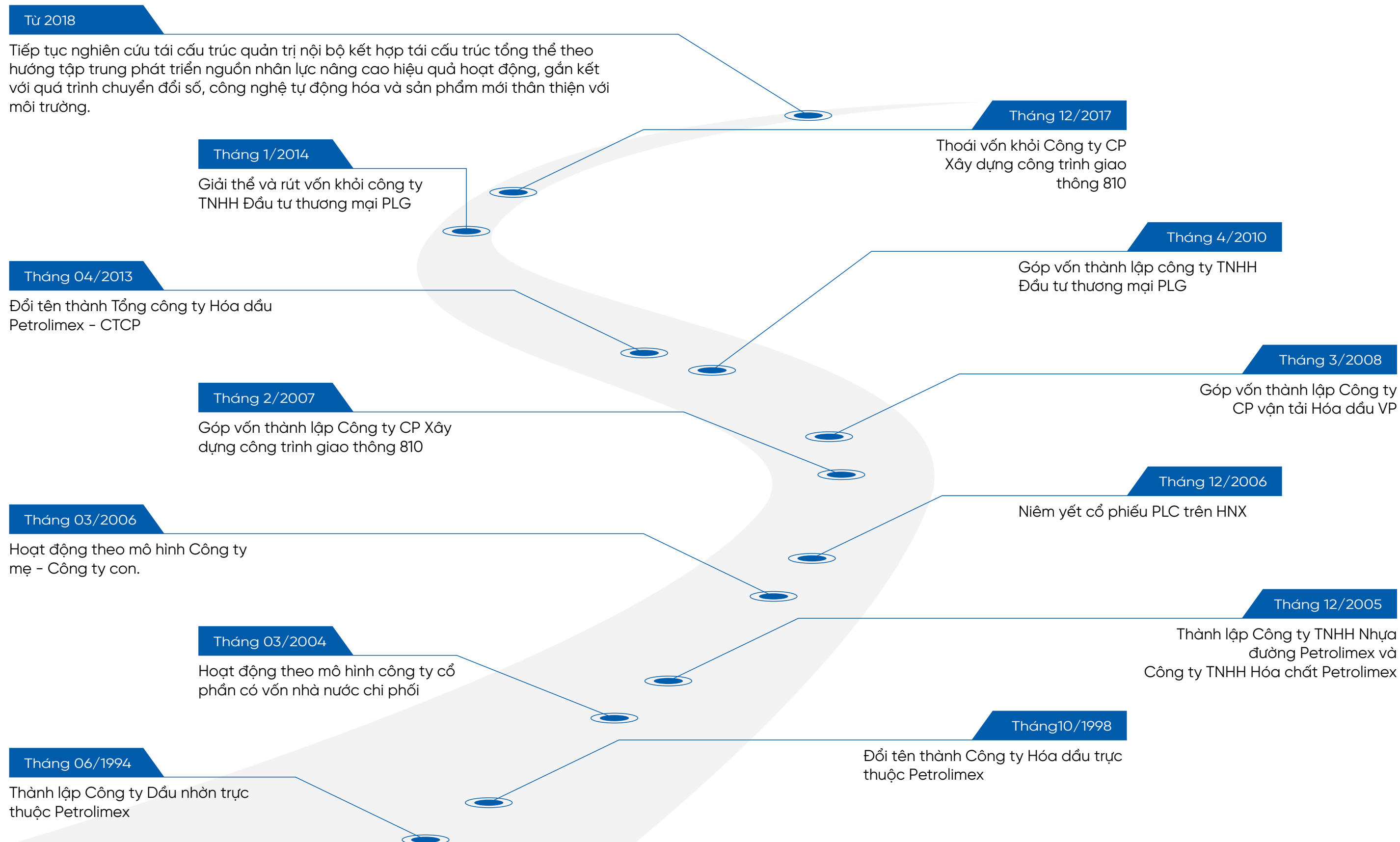


Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc;
Các nước trong khu vực như Hong Kong, Đài Loan, Trung quốc, Lào, Campuchia...

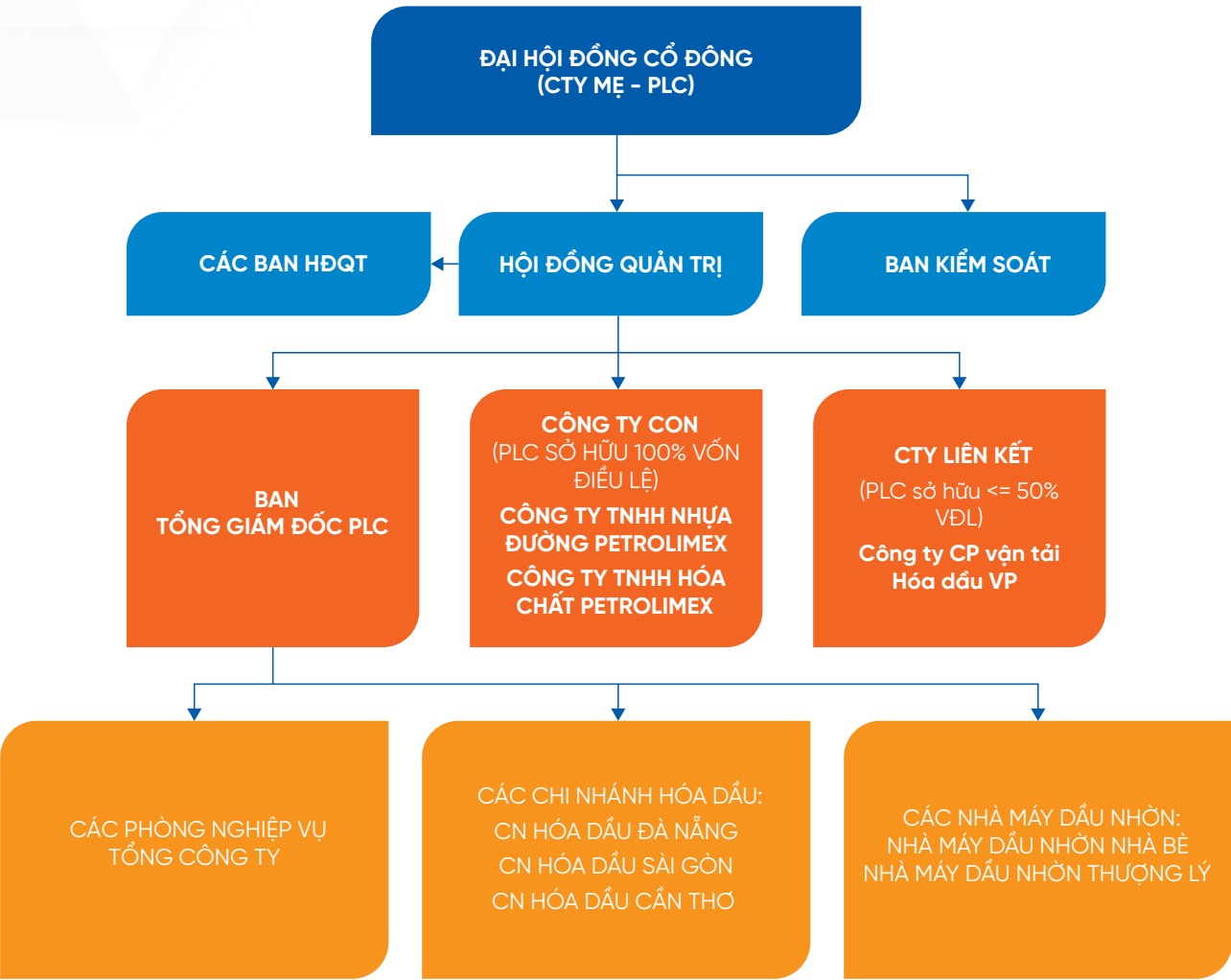
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 19, Số 229 Phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: 361,4 tỷ VNĐ;

Tỷ lệ góp vốn của PLC: 100% Vốn điều lệ;

Ngành, nghề kinh doanh chính : Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường; Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.



CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 19, Số 229 Phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: 254,3 tỷ VNĐ;

Tỷ lệ góp vốn của PLC: 100% Vốn điều lệ;

Ngành, nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp. Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.



CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Địa chỉ: phòng 703 tầng 7, tòa nhà Central Tower, 43 Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng.

Vốn điều lệ: 150,76 tỷ VNĐ;

Tỷ lệ góp vốn của PLC : 43,78% Vốn điều lệ;

Ngành, nghề kinh doanh chính: Vận tải các sản phẩm hóa dầu; mua bán tàu; đầu tư tài chính.



GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐỖ HỮU TẠO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Hóa dầu

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)

Quá trình công tác:

11/1996 – 03/1997: Chuyên viên Phòng Quản lý Kỹ thuật, Công ty Xăng dầu Khu vực I

04/1997 – 11/2001: Phòng Quản lý Kỹ thuật, Xí nghiệp Dịch vụ Xăng dầu và Cơ khí, Công ty Xăng dầu Khu vực I

12/2001 – 02/2006: Học Nghiên cứu sinh, trường Đại học Dầu khí Quốc gia Gubkin, Matxcova, Liên Bang Nga

04/2006 – 01/2007: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam

02/2007 – 12/2008: Phó Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường, Tập đoàn Xăng dầu

01/2009 – 03/2012: Trưởng Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường, Tập đoàn Xăng dầu

4/2012 – 5/2020: Trưởng Phòng Kỹ thuật Xăng dầu; Trưởng Ban Kỹ thuật Xăng dầu – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Kiểm nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty CP thiết bị Xăng dầu Petrolimex, NK 2013-2017, 2018 – 2022.

05/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có



ÔNG LÊ QUANG TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Quá trình công tác:

07/1996 – 09/1996: Thử việc tại Phòng Kỹ thuật – Công ty Dầu nhờn

10/1996 – 09/2000: Chuyên viên Dịch vụ Kỹ thuật – Phòng Kỹ thuật – Công ty Dầu nhờn

10/2000 – 03/2003: Cửa hàng trưởng – Cửa hàng chuyên doanh DMN Công ty Hóa dầu

03/2003 – 05/2004: Phó phòng Kinh doanh DMN Công ty Hóa dầu

05/2004 – 07/2004: Phó phòng Đảm bảo DMN Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

07/2004 – 03/2005: Phó phòng, phụ trách phòng Đảm bảo Dầu mỡ nhờn, Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

03/2005 – 10/2011: Trưởng phòng Đảm bảo DMN Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

10/2011 – 04/2019: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

04/2019 – 10/2020: TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

11/2020 – Nay: TV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP



ÔNG NGUYỄN THANH KHƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế lao động

Trình độ Lý luận chính trị: Cử nhân

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Quá trình công tác:

09/1992 – 01/1993: Chuyên viên lao động tiền lương Phòng Tổ chức – Thanh tra bảo vệ Công ty xăng dầu Bắc Thái

02/1993 – 11/1993: Binh nhì Phòng Hậu cần Ban chỉ huy quân sự Bắc Thái

11/1993 – 03/1996: Chuyên viên lao động tiền lương Phòng Tổ chức – Thanh tra bảo vệ Công ty xăng dầu Bắc Thái

04/1996 – 01/1997: Phó trưởng phòng Phòng Tổ chức – Thanh tra bảo vệ Công ty Xăng dầu Bắc Thái

02/1997 – 11/1997: Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Phòng Kinh doanh Công ty xăng dầu Bắc Thái

12/1997 – 06/1998: Trưởng phòng Phòng Kinh doanh Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/1998 – 09/2000: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái

09/2000 – 03/2003: Đi học Đại học Chính trị

03/2003 – 06/2006: Phó Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc Chi nhánh XD Bắc Cạn

07/2006 – 09/2006: Phó giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái

10/2006 – 06/2010: Giám đốc Công ty Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/2010 – 06/2020: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/2020 – nay: TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex



ÔNG TRẦN TUẤN LINH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ ngành Tài chính và kiểm soát quản trị

Trình độ Lý luận chính trị: Đang học Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Quá trình công tác:

10/2004 – 12/2005: Cán bộ quản lý dự án – Ban Quản lý dự án – Sở KH&ĐT Hà Nội

01/2006 – 12/2008: Chuyên viên Vụ Xuất Nhập khẩu Bộ Công Thương

01/2009 – 09/2010: Chuyên viên Ban Tổng hợp – Hội đồng quản trị – Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam

10/2010 – 03/2013: Chuyên viên Ban Hedging – Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam

04/2013 – 07/2016: Chuyên viên Ban Kiểm toán HĐQT – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

08/2016 – 07/2018: Phó Trưởng ban Chiến lược và Đầu tư – HĐQT Tập Đoàn Xăng dầu Việt Nam

07/2018 – 05/2020: Trưởng ban Quản trị rủi ro – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

05/2020 – 11/2020: Trưởng ban Quản trị rủi ro – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Thành viên HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

12/2020 – nay: Trưởng Ban Chiến lược và Đầu tư – HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Thành viên HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG VŨ VĂN CHIẾN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

Quá trình công tác:

09/1979 - 11/1983: Học tại Trường đại học Tài chính kế toán, chuyên ngành Kế toán thương nghiệp

11/1983 - 03/1984: Học lớp sĩ quan dự bị do Trường sĩ quan tài chính giảng dạy. Kết thúc được phong quân hàm Thiếu úy

05/1984 - 08/1994: Công tác tại Phòng kế toán tài vụ Tổng công ty xăng dầu - Bộ vật tư (nay là Bộ công thương)

08/1994-01/1995: Phó trưởng phòng kế toán tài vụ Tổng công ty xăng dầu Việt Nam

01/1995 - 01/1997: Phó trưởng phòng Kinh doanh Tổng công ty xăng dầu Việt Nam

01/1997 - 06/1999: Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam

06/1999 - 06/2001: Đi học cao cấp lý luận chính trị do Học viện CT Quốc Gia - HCM và Bộ thương mại tổ chức

06/2001 - 07/2002: Bổ nhiệm lại giữ chức Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam

07/2002 - 04/2003: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Tổng công ty xăng dầu Việt Nam

04/2003 - 12/2003: Phó Giám đốc Công ty Hóa dầu

12/2003 - 12/2005: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty CP Hóa dầu Petrolimex

01/2006 - 09/2009: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa dầu Petrolimex trực tiếp làm Giám đốc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

09/2009 - 04/2013: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa dầu Petrolimex, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

04/2013 - 05/2018: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

06/2018 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex



ÔNG HÀ THANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

Quá trình công tác:

06/1987 - 05/1989: Chuyên viên Kế toán - Công ty Xăng dầu B12

06/1989 - 03/1993: Chuyên viên Phòng TCKT Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam

03/1993 - 08/1994: Phó Phụ trách Phòng TCKT Công ty Vận tải Thủy l

08/1994 - 09/2000: Phó phòng KTTC Công ty Dầu nhờn

10/2000 - 05/2002: Trưởng phòng KTTC Công ty Hóa dầu

05/2002 - 01/2004: Kế toán trưởng Công ty Hóa dầu

01/2004 - 12/2006: Ủy viên HĐQT Công ty CP Hóa dầu Petrolimex. Kế toán trưởng Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

12/2005 - 09/2009: Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Hóa dầu Petrolimex. Giám đốc Cty TNHH Hóa chất Petrolimex

09/2009 - 06/2018: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

15/06/2018 - nay: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP. Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex



ÔNG NGUYỄN HÀ TRUNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Quốc tế (EMBA)

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Trưởng Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Quá trình công tác:

07/1997 - 07/1998: Kế toán tổng hợp - Công ty XNK Tocontap - Bộ thương mại

08/1998 - 03/2003: Kế toán tổng hợp - Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam

04/2003 - 06/2005: Phó Trưởng Phòng Kế toán - Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội

07/2005 - 05/2007: Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm soát Công ty tài chính HANDICO

06/2005 - 04/2012: Ủy HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty tài chính cổ phần HANDICO

5/2009 - 8/2010: Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư XD số 9 Hà Nội

9/2010 - 04/2012: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư XD Số 9 Hà Nội

5/2012 - 8/2013: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư XD số 9 Hà Nội

09/2013 - 04/2015: Bí thư Đảng ủy - Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Số 9 Hà Nội

08/2014 - 03/2015: Phó trưởng ban, Phụ trách Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

04/2015- 04/2018: Trưởng Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

5/2018 - 6/2018: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

6/2018 - 7/2018: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Tài chính HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex.

08/2018 - nay : Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LÊ QUANG TUẤN

Tổng giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Quá trình công tác:

07/1996 – 09/1996: Thử việc tại Phòng Kỹ thuật – Công ty Dầu nhờn

10/1996 – 09/2000: Chuyên viên Dịch vụ Kỹ thuật – Phòng Kỹ thuật – Công ty Dầu nhờn

10/2000 – 03/2003: Cửa hàng trưởng – Cửa hàng chuyên doanh DMN Công ty Hóa dầu

03/2003 – 05/2004: Phó phòng Kinh doanh DMN Công ty Hóa dầu

05/2004 – 07/2004: Phó phòng Đảm bảo DMN Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

07/2004 – 03/2005: Phó phòng, phụ trách phòng Đảm bảo DMN Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

03/2005 – 10/2011: Trưởng phòng Đảm bảo DMN Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

10/2011 – 04/2019: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

04/2019 – 10/2020: TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

11/2020 – Nay: TV HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP

ÔNG NGUYỄN THANH KHƯƠNG

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế lao động

Trình độ Lý luận chính trị: Cử nhân

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Quá trình công tác:

09/1992 – 01/1993: Chuyên viên lao động tiền lương Phòng Tổ chức – Thanh tra bảo vệ Công ty xăng dầu Bắc Thái

02/1993 – 11/1993: Bình nhì Phòng Hậu cần Ban chỉ huy quân sự Bắc Thái

11/1993 – 03/1996: Chuyên viên lao động tiền lương Phòng Tổ chức – Thanh tra bảo vệ Công ty xăng dầu Bắc Thái

04/1996 – 01/1997: Phó trưởng phòng Phòng Tổ chức – Thanh tra bảo vệ Công ty Xăng dầu Bắc Thái

02/1997 – 11/1997: Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Phòng Kinh doanh Công ty xăng dầu Bắc Thái

12/1997 – 06/1998: Trưởng phòng Phòng Kinh doanh Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/1998 – 09/2000: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái

09/2000 – 03/2003: Đi học Đại học Chính trị

03/2003 – 06/2006: Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh XD Bắc Cạn

07/2006 – 09/2006: Phó giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái

10/2006 – 06/2010: Giám đốc Công ty Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/2010 – 06/2020: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty xăng dầu Bắc Thái

07/2020 – nay: TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

BÀ PHƯƠNG THẢO HIỀN

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp

Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

Vị trí công tác hiện nay: Kế toán trưởng Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Quá trình công tác:

10/2000 – 08/2005 : Chuyên viên phòng TCKT – CNHD Hải Phòng

08/2005 – 08/2008 : Phó Trưởng phòng TCKT – CNHD Hải Phòng

08/2008 – 10/2013 : Trưởng phòng TCKT – CNHD Hải Phòng

10/2013 – 01/2014 : Phó phòng TCKT – Tổng công ty hóa dầu Petrolimex

01/2014 – 11/2016: Trưởng phòng TCKT – Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Từ 11/2016 – nay: Kế toán trưởng Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có

ÔNG ĐOÀN HỒNG SÁNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh
Vị trí công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Quá trình công tác:

11/1993 - 06/1996: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty dệt Nha Trang
07/1996 - 03/2006: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Xăng dầu Phú Khánh
04/2006 - 05/2008: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam
06/2008 - 12/2010: Chuyên viên phòng Tổng hợp - Trung tâm Tài chính Kế toán - Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam
01/2011 - 05/2012: Kiểm nhiệm KSV Công ty Xăng dầu Phú Thọ, Công ty Xăng dầu Tuyên Quang, Công ty Xăng dầu Hà Giang, Công ty Xăng dầu Cao Bằng, nhiệm kỳ 3 năm
06/2012 - 07/2012: Chuyên viên phòng Tổng hợp - Ban Tài

chính Kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
08/2012 - 06/2014: Phó trưởng phòng Tổng hợp - Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
07/2014 - 07/2015: Phó phụ trách phòng Tổng hợp - Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
08/2015 - 04/2018: Trưởng phòng Tổng hợp - Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ; Kiểm nhiệm KSV Công ty Xăng dầu KV2, Công ty Xăng dầu Vũng Tàu, Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ, nhiệm kỳ 3 năm
18/04/2018 - nay : Trưởng ban kiểm soát TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không có

ÔNG TỔNG VĂN HẢI

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Trình độ Lý luận chính trị: Trung cấp
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh
Vị trí công tác hiện nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Quá trình công tác:

07/2002 - 03/2003: Chuyên viên Kế toán Doanh nghiệp Tư nhân Quốc Đạt
04/2003 - 06/2004: Chuyên viên Kế toán Công ty Phát triển Công nghệ, Viện Cơ học
12/2004 - 02/2006: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Hóa dầu Petrolimex
03/2006 - 04/2009: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

04/2009 - 06/2016: Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
06/2016 - Nay: Kiểm soát viên Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, kiêm nhiệm Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex
Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty TNHH Hóa chất PTN; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty TNHH Liên doanh Kho ngoại quan Xăng dầu Văn phòng (VPT)

ÔNG PHẠM TUẤN PHƯƠNG

Kiểm soát viên

Năm sinh: 1968
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD
Trình độ Lý luận chính trị: Cao cấp
Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh
Vị trí công tác hiện nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Quá trình công tác:

01/1991 - 09/1991: Chuyên viên Phòng Kế toán - Công ty Xăng dầu Khu vực I
09/1991 - 08/1994: Chuyên viên Phòng Kinh doanh DMN - Công ty Xăng dầu Khu vực I
09/1994 - 03/2003: Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Công ty Dầu Nhờn
03/2003 - 09/2003: Chuyên viên (Thư ký Tổng hợp) Phòng Tổ chức Hành chính- Công ty Hóa dầu Petrolimex
10/2003 - 11/2004: Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty Hóa dầu Petrolimex
12/2004 - 05/2009: Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Hóa dầu Petrolimex

06/2009 - 8/2014: Phó Ban Tổng hợp HDQT- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP
09/2014 - 12/2015: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP
01/2016 - 04/2018: Phó Ban Tài chính - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP
05/2018 - nay: Kiểm soát viên chuyên trách - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex từ ngày 15/06/2018

GIỚI THIỆU VỀ BAN KIỂM SOÁT



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2007

Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2009

Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2014

Chứng nhận Dầu mỡ nhờn Petrolimex là
Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018
do Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao công nhận

Chứng nhận Hàng Việt Nam tin dùng 2019
do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam và Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam công nhận

Top 10 sản phẩm vàng Việt Nam 2019 do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Petrolimex. Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm Hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất.

Sau khi tái cấu trúc năm 2006, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, Tổng công ty đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty. Chính vì vậy, khi gặp những biến động trên thị trường, Tổng công ty vẫn vững vàng vượt qua thử thách. Định hướng phát triển của Tổng công ty là tập trung củng cố vị thế của thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế. Định hướng này được cụ thể hóa bằng các mục tiêu:

Phát triển bền vững trên 3 ngành hàng chính là dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất; Tiếp tục ổn định và phát triển thị trường dầu nhờn trong và ngoài nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex.

Tiếp tục mở rộng thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường ngoài nước;

Chú trọng công tác nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hóa các nhóm sản phẩm, đặc biệt là nhóm sản phẩm có chất lượng cao và hiệu quả bền vững;

Tiếp tục đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để duy trì lợi thế kinh doanh trên cả 3 ngành hàng chính;

Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các Cổ đông đầu tư vào Tổng công ty;

Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

Các khó khăn, thách thức và rủi ro đối với Tổng công ty PLC trong thời gian tới:

Nhãn hiệu hàng hóa Petrolimex của Tổng công ty PLC là thương hiệu mạnh quốc gia, có uy tín và được người tiêu dùng bình chọn trên thị trường Việt Nam. Hưởng ứng cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam hiện nay, Tổng công ty luôn xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ thị phần và khẳng định vị thế của Petrolimex trên thị trường. Tuy nhiên, Tổng công ty PLC cũng nhận diện được một số khó khăn, thách thức và rủi ro trọng yếu như sau:

Thị trường và đối thủ cạnh tranh:

Thị trường đầu ra của cả 3 ngành hàng chủ yếu là thị trường nội địa, với hầu hết khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, vận tải và hạ tầng giao

thông. Do vậy, các chính sách vĩ mô của nhà nước nhằm kiểm chế lạm phát hay kích thích tăng trưởng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh của các ngành hàng.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và khốc liệt diễn ra ở cả 3 lĩnh vực kinh doanh. Nhiều đối thủ với tiềm lực tài chính mạnh, thương hiệu từ các tập đoàn lớn trên thế giới đã và đang tham gia sâu vào thị trường Việt Nam khiến cho việc chiếm lĩnh và giữ vững thị phần của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức.

Nhu cầu DMN công nghiệp và phương tiện thi công cơ giới có xu hướng giảm do các công trình lớn, các tuyến đường giao thông đã hoàn thiện. Nhu cầu tiêu thụ DMN cũng bị tác động mạnh do tình hình thiên tai lũ lụt gia tăng ở các địa phương.

Giá bán sản phẩm nhựa đường trong nước phản ứng nhanh với khả năng đầu tư công của Chính phủ. Nhựa đường là sản phẩm đầu vào của các ngành xây dựng công trình giao thông nên phụ thuộc tình hình của các ngành này và phụ thuộc vào hoạt động đầu tư công của Chính phủ, có tính chu kỳ do phần lớn công trình xây dựng giao thông là cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư. Trong khi đó khả năng đầu tư công phụ thuộc vào nguồn ngân sách thu được từ nền kinh tế. Chính vì vậy, hoạt động xây dựng giao thông và cung ứng nhựa đường phụ thuộc rất nhiều vào tình hình của nền kinh tế và chu kỳ kinh tế.

Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Rủi ro về giá dầu và chính sách tỷ giá: Là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu, trong khi xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng chưa cao trong cơ cấu bán hàng của Tổng công ty PLC. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới và chính sách điều hành tỷ giá, lãi suất.. của Nhà nước.

Rủi ro cạnh tranh: Các sản phẩm kinh doanh của PLC hầu hết là nguyên, phụ liệu đầu vào của các ngành công nghiệp khác. Áp lực cạnh tranh về giá, tồn kho... ngày càng gia tăng.

Rủi ro cơ cấu tài sản và nguồn vốn: cơ cấu nguồn vốn của các đơn vị trong PLC hiện nay đang tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguồn vốn chủ sở hữu chỉ đáp ứng được cơ bản nhu cầu cần đối cho giá trị tài sản dài hạn; hệ số nợ thường xuyên duy trì ở mức cao và đặc biệt phụ thuộc nhiều vào nguồn vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng. Theo đó, khi có thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước hay khả năng siết chặt hạn mức và chính sách của các tổ chức tín dụng có ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh của PLC, đặc biệt là ngành hàng Nhựa đường và Hóa chất.

Rủi ro khác: Rủi ro về việc hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng; rủi ro cơ chế chính sách thay đổi đến từng lĩnh vực kinh doanh; rủi ro mang tính chất bất khả kháng

như thiên tai, hỏa hoạn, ảnh hưởng điều kiện môi trường, dịch bệnh...cũng có thể gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của từng ngành hàng cũng như của Tổng công ty.

Một số thách thức của PLC trong thời gian tới:

Sự phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối thủ trong cả 03 ngành hàng cần đòi hỏi nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới (chất lượng, chi phí và giá thành sản xuất cạnh tranh); nâng cao được năng suất lao động, tăng cường khả năng quản trị rủi ro tại đơn vị; tối ưu hóa được hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Việc xác lập kênh phân phối, chính sách sản phẩm, chính sách marketing, PR... và quản lý tài chính là vấn đề lớn đặt ra đối với cả ba lĩnh vực kinh doanh.

Phải xây dựng chiến lược, mục tiêu phát triển trung và dài hạn; Mô hình tổ chức, quản trị, cơ cấu nguồn lực (tài sản, vốn, nhân lực, hệ thống công nghệ...) phù hợp điều kiện phát triển và tình cạnh tranh thị trường; Nghiên cứu, phát triển mở rộng hoạt động SXKD, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp chiến lược phát triển dài hạn...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phát triển Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex thành doanh nghiệp vững mạnh, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao, đóng vai trò chủ đạo trong ngành Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường và Hóa chất trên toàn quốc.

Thực hiện sứ mệnh kinh doanh có hiệu quả, gia tăng lợi ích, mang lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông.

Giữ vững và duy trì được vị thế là doanh nghiệp lớn trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường và Hóa chất mang thương hiệu Petrolimex, trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về quy mô doanh nghiệp và hiệu quả kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí và có lợi nhuận cao trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và vận hành hệ thống, nâng cao năng lực kỹ thuật công nghệ, nâng cao năng lực nguồn nhân lực, tổ chức quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Thực hiện tốt vai trò doanh nghiệp chủ đạo trong cân đối cung – cầu và đảm bảo cung cấp các sản phẩm hóa dầu mang thương hiệu Petrolimex đáp ứng nhu cầu sản xuất, phát triển kinh tế.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã nghiên cứu, cung cấp nhiều sản phẩm Dầu nhờn mới, chất lượng cao ra thị trường như PLC Ecosyn 4L, PLC Powersyn 5L: dầu gốc tổng hợp, bán tổng hợp (công thức Mobil 1) là sản phẩm cao cấp so với các hãng nổi tiếng trên thế giới.

Tiếp tục tập trung xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm mới... nhằm góp phần nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh của ba ngành hàng chính (Dầu nhờn, Nhựa đường, Hóa chất);

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VỀ ĐÀO TẠO

Tổ chức hoặc cử CB-NLĐ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức về chuyên môn cũng như Công nghệ số; cập nhật các hướng dẫn mới để thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về Dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất cũng như các sản phẩm khác của PLC đối với CB-NLĐ Tổng công ty và các khách hàng.

CHIẾN LƯỢC TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG

Tích cực phối hợp với các Công ty Xăng dầu tại các địa phương và các tổ chức khác tham gia các chương trình an sinh xã hội như xây dựng nhà tình thương, trường học, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ thiên tai lũ lụt... Tiếp tục tham gia ủng hộ các Quỹ (chất độc da cam, Hội Khuyết học, Hội người khuyết tật...).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

28 Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của tổng công ty PLC

34 Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc

39 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

41 Tổ chức và nhân sự

45 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

46 Tình hình tài chính hợp nhất

47 Báo cáo tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các công con, công ty liên kết

49 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn cổ phần của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY PLC

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY PLC

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới có nhiều biến động, phức tạp, thị trường trong nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch Covid-19, HĐQT Tổng công ty PLC đã có nhiều biện pháp chỉ đạo các hoạt động SXKD đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ 2020 thông qua. Một số chỉ tiêu chính:



TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

5.701.613 triệu đồng

đạt 113,05% kế hoạch
91,49% so với 2019

TỔNG SẢN LƯỢNG

420.433 tấn/m³

đạt 121,56% kế hoạch
108,70% so với 2019



TỔNG LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

189.948 triệu đồng

đạt 137,64% kế hoạch
102,47% so với 2019



Tổng công ty PLC chấp hành đầy đủ, kịp thời Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước; tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 2020; Hội nghị Tổng kết toàn Tổng công ty PLC; bổ sung, sửa đổi và ban hành mới một số Quy chế, Quy định để phù hợp hơn với tình hình thực tế.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tổng công ty PLC luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật về Bảo vệ môi trường. Ưu tiên công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đầu tư công nghệ mới, hiện đại trong sản xuất. Trong năm 2020, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng về cháy nổ và ô nhiễm môi trường, góp phần tạo lập môi trường ổn định cho sản xuất kinh doanh và phát triển.

Với tinh thần tương thân tương ái, cảm thông và sẻ chia những khó khăn với cộng đồng, Tổng công ty PLC luôn dành một phần ngân sách cho các hoạt động từ thiện,

hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, trẻ em đường phố có hoàn cảnh khó khăn cũng như thăm và tặng quà cho người già neo đơn. Đây là những hoạt động thường niên của Tổng công ty PLC nhằm góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng.

Giai đoạn 2018 - 2020, Tổng công ty PLC đã chi 3.050,9 triệu đồng cho công tác an sinh xã hội, riêng trong năm 2020, thực hiện chi 1.318,7 triệu đồng



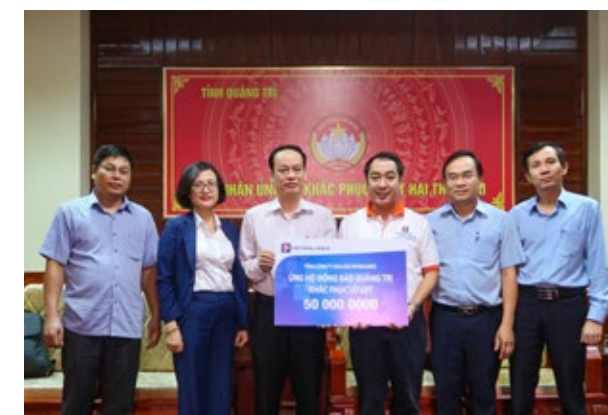
GIAI ĐOẠN
2018 - 2020

3.050,9
triệu đồng



NĂM 2020

1.318,7
triệu đồng



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY PLC

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Năm 2020, Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra; quyết liệt trong mọi mặt hoạt động, tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các kho, nhà máy, các chi nhánh, cũng như trong các phương án đầu tư... Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, hạn chế hao hụt, cập nhật và cải tiến quy trình quản lý sản xuất đã được Ban điều hành thực hiện đem lại hiệu quả rõ nét trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất.

Nhìn chung, trong bối cảnh năm 2020 có nhiều khó khăn, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực làm việc và có những quyết định linh hoạt, kịp thời để giữ vững hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi cho Tổng công ty, đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo đời sống cho người lao động.



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020:



Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng quy định. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tổng công ty PLC để đề ra và triển khai thực hiện các Nghị quyết. Ngoài 14 phiên họp được triệu tập, Chủ tịch HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 37 lần để ban hành các văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định.

Ngày 25/05/2020, tại ĐHĐCĐ thường niên 2020, ông Nguyễn Khanh Thương và ông Trần Tuấn Linh được bầu bổ sung tham gia HĐQT Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024, thay cho ông Phạm Bá Nhuận và ông Nguyễn Văn Đức. Cùng ngày, HĐQT Tổng công ty PLC đã bầu ông Đỗ Hữu Tạo giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty PLC.

Ngay sau ĐHĐCĐ thường niên 2020, HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và hiệu quả.

+ HĐQT đã lãnh đạo Tổng công ty PLC sản xuất kinh doanh năm 2020 có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông; được Lãnh đạo Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ghi nhận và biểu dương: "PLC nổi lên như một điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của ngành xăng dầu".

+ HĐQT đã chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 theo đúng quy định.

+ HĐQT đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD và các kế hoạch khác trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

+ HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Tổng công ty PLC.

+ Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động SXKD các Công ty hàng quý theo quy định.

+ Ban hành, yêu cầu chỉnh sửa bổ sung một số các quy chế nội bộ cho phù hợp với điều kiện quản lý và tổ chức kinh doanh mới.

+ Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

+ Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

+ HĐQT đã chỉ đạo công tác tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.

+ HĐQT quyết liệt chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, công tác vay vốn ngắn hạn và dài hạn tại các Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY PLC

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Dịch Covid-19 với biến thể mới tái bùng phát trở lại làm nhiều đợt, tiếp tục ảnh hưởng lớn nền kinh tế toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Trước những diễn biến khó lường do Covid-19 gây ra cũng như tình hình căng thẳng về chính trị trên thế giới, mọi dự đoán dài hơi đều rất khó. Tổng công ty PLC tiếp tục đánh giá các yếu tố kinh tế xã hội để xây dựng kế hoạch SXKD 2021 phù hợp với tình hình thực tế để trình ĐHĐCĐ thường niên 2021. Toàn Tổng công ty đã chuẩn bị sẵn sàng tâm thế và chủ động với một tinh thần quyết tâm, trách nhiệm cao nhất; đổi mới và ứng phó với những thách thức; chủ động kết hợp giữa tư duy đổi mới, sáng tạo với các biện pháp phát triển truyền thống để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược do lãnh đạo Tổng công ty đặt ra.

Trong đó, tập trung thực hiện 6 nhóm giải pháp lớn:

Một là, đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp theo chủ trương và chỉ đạo của Tập đoàn.

Hai là, đầu tư và áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất kinh doanh, thúc đẩy nghiên cứu sản phẩm mới.

Ba là, nghiêm túc tăng cường công tác quản trị tài chính, quản trị công nợ.

Bốn là, xây dựng các tiêu chí, bổ sung, kiện toàn hệ thống định mức nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trên toàn hệ thống.

Năm là, đẩy mạnh xây dựng nền tảng văn hóa, con người PLC trong cấu trúc tổng thể của Tập đoàn.

Sáu là, tiếp tục phát huy cao hơn nữa những thành quả đã đạt được trong năm 2020 về hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở ưu tiên đảm bảo an toàn tuyệt đối phải được đặt lên hàng đầu.

Ngoài những giải pháp chung, các ngành hàng đều đặt ra những giải pháp cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng ngành hàng.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH KINH DOANH CHUNG NĂM 2020

Năm 2020, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã vượt qua khó khăn, thách thức của đại dịch Covid19, tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế, được người tiêu dùng tin tưởng và đón nhận. Tổng công ty đã tận dụng thời cơ, triển khai kịp thời nhiều giải pháp để hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHDCĐ giao, một số chỉ tiêu chính về sản lượng, lợi nhuận cao hơn năm 2019.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2020

Đơn vị tính: Tấn, triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	So TH 2020/2019	
					TH 2019	KH 2020
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	386.769	345.855	420.433	108,70%	121,56%
2	Tổng doanh thu thuần	6.160.046	5.016.292	5.608.435	91,05%	111,80%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	185.361	138.000	189.948	102,47%	137,64%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	145.164	109.500	147.842	101,84%	135,02%
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu	2,36%	2,18%	2,64%	111,86%	120,76%
6	Tỷ suất LNST/VCSH	11,05%	8,45%	11,13%	100,67%	131,67%
7	Tỷ suất LNST/VĐL	16,81%	13,55%	17,15%	102,02%	126,55%



Kết quả hoạt động kinh doanh từng ngành hàng như sau:

NGÀNH HÀNG DẦU MỠ NHỜN

Thương hiệu DMN Petrolimex tiếp tục được khẳng định về chất lượng, nhãn hiệu ngày càng được khách hàng chấp nhận. Các sản phẩm DMN Petrolimex ngày càng đa dạng, phong phú có khả năng thay thế hầu hết các sản phẩm DMN của các hãng nước ngoài như CastrolBP, Shell, Total, Caltex....

Năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19, cạnh tranh gay gắt trên thị trường dầu mỡ nhờn; tuy nhiên, với sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã nỗ lực thực hiện các giải pháp, tổ chức hoạt động SXKD hiệu quả và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Cụ thể: sản lượng dầu mỡ nhờn đạt 27.781 tấn, hoàn thành 116,51% kế hoạch; doanh thu đạt 1.389.702 triệu đồng, hoàn thành 115,52% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 157.032 triệu đồng, hoàn thành 125,09% so với kế hoạch đề ra.



NGÀNH HÀNG NHỰA ĐƯỜNG

Thương hiệu Nhựa đường Petrolimex - Nhà cung cấp nhựa đường hàng đầu Việt Nam đã được khẳng định không chỉ đối với các Chủ đầu tư, nhà thầu mà còn có sự hợp tác, hỗ trợ của các Vụ, Viện, Phòng thí nghiệm trọng điểm giúp Công ty thâm nhập vào các dự án chất lượng.

Trong năm 2020, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex đã tận dụng tốt cơ hội khi nguồn vốn đầu tư công được đẩy mạnh giải ngân; bên cạnh đó Công ty có hệ thống Nhà máy trải dài trên cả nước, dàn xe chở nhựa đường được đầu tư chuyên nghiệp đem lại lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp sản phẩm cho các dự án với cự ly vận chuyển hợp lý. Kết thúc năm 2020, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và tăng trưởng so với năm 2019, cụ thể: sản lượng nhựa đường đạt 260.128 tấn, hoàn thành 132,72% kế hoạch, bằng 132,85% năm 2019; doanh thu đạt 2.525.304 triệu đồng, hoàn thành 124,16% kế hoạch, bằng 112,11% năm 2019; Lợi nhuận trước thuế đạt 32.253 triệu đồng, hoàn thành 214,83% kế hoạch, bằng 5,8 lần năm 2019.



NGÀNH HÀNG HÓA CHẤT

Năm 2020, ngành hàng Hóa chất gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh thấp do cạnh tranh gay gắt trên thị trường dung môi - hóa chất. Kết thúc năm 2020, tổng sản lượng hóa chất đạt 132.524 tấn, m3 hoàn thành 105,17% kế hoạch, doanh thu đạt 1.699.708 triệu đồng 95,52% kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế đạt 550 triệu đồng bằng 14,48% kế hoạch.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex là: 4.702.059 triệu đồng, tăng 5,32% so với cuối kỳ năm 2019, tương ứng với 237.624 triệu đồng. Trong đó:

- + Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2020 chiếm tỷ trọng 24,5%, giảm 4.469 triệu đồng, tương ứng giảm 0,4% so với năm 2019. Trong tổng tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm tỷ lệ chủ yếu là 76,4%, tài sản dài hạn khác chiếm 15,9%, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và đầu tư tài chính dài hạn chiếm 7,7%. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu ở khoản mục tài sản cố định tăng 111,9 tỷ đồng và tài sản dài hạn khác tăng 18,2 tỷ đồng.
- + Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2020 chiếm tỷ trọng 75,5%, tăng 242.093 triệu đồng tương ứng tăng 7,32% so với năm 2019. Trong tổng tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu chiếm tỷ trọng là 36,7%, hàng tồn kho chiếm 29,3%, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 19,7%, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm 12,9%. Cơ cấu tài sản ngắn hạn biến động tăng chủ yếu ở khoản mục tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, giảm nhiều ở các khoản phải thu ngắn hạn.

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng (%)	Năm 2020	Tỷ trọng (%)	So sánh năm 2020 với năm 2019	
					Giá trị	Tỷ lệ %
Tài sản ngắn hạn	3.308.424	74,1%	3.550.517	75,5%	242.093	107,32%
Tài sản dài hạn	1.156.011	25,9%	1.151.542	24,5%	-4.469	99,61%
Tổng tài sản	4.464.435	100%	4.702.059	100%	237.624	105,32%

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

Tổng nguồn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex là: 4.702.059 triệu đồng, tăng 5,32% so với cuối kỳ năm 2019, tương ứng với 237.624 triệu đồng. Trong đó: nợ phải trả ngắn hạn tăng 380.155 triệu đồng, nợ phải trả dài hạn giảm 77.194 triệu đồng, vốn chủ sở hữu giảm 65.337 triệu đồng. Chi tiết như sau:

- + Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020 là 3.445.570 triệu đồng, Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 là 2,74 lần. Nợ phải trả tăng chủ yếu ở khoản mục phải trả người bán tăng và vay ngắn hạn ngân hàng, giảm ở khoản mục vay dài hạn ngân hàng.
- + Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 1.256.488 triệu đồng, giảm 65.337 triệu đồng so với đầu kỳ chủ yếu do trong năm 2020, Tổng công ty đã chia cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 15%/cổ phiếu và tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 10%/cổ phiếu.

TỔNG NGUỒN VỐN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu		Năm 2019	Tỷ trọng (%)	Năm 2020	Tỷ trọng (%)	So sánh năm 2020 với năm 2019	
						Giá trị	Tỷ lệ %
Nợ phải trả	Nợ ngắn hạn	3.023.818	67,7%	3.403.973	72,4%	380.155	112,6%
	Nợ dài hạn	118.791	2,7%	41.597	0,9%	-77.194	35,0%
Vốn chủ sở hữu		1.321.825	29,6%	1.256.488	26,7%	-65.337	95,1%
Tổng nguồn vốn		4.464.435	100%	4.702.059	100%	237.624	105,3%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CSVCKT NĂM 2020.

Năm 2020, Tổng công ty PLC và các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường; không đầu tư ra ngoài ngành hàng kinh doanh chính. Tổng giá trị thực hiện đầu tư CSVCKT năm 2020 là: 66.467 triệu đồng, đạt 95,5% so với KH 2020 và bằng 60,6% so với TH 2019; trong đó:

Đầu tư mới: Giá trị thực hiện năm 2020 là 47.140 triệu đồng, đạt 102,2% so với KH 2020 và bằng 59,2% so với TH 2019;

Sửa chữa lớn: Giá trị thực hiện 2020 là: 19.327 triệu đồng, đạt 82,3% so với KH 2020 và bằng 64,4% so với TH 2019;



ĐVT Triệu đồng

TT	Nội dung	KH 2020	TH 2020		So với TH 2019	
			Giá trị	TLHT	TH 2019	% so với TH 2019
I	Tổng công ty PLC (Công ty mẹ)	35.695	31.980	89,6%	62.409	51,2%
1	Đầu tư mới	23.995	20.490	85,4%	39.677	51,6%
2	Sửa chữa lớn	11.700	11.490	98,2%	22.732	50,5%
II	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	27.513	34.377	124,9%	38.158	90,1%
1	Đầu tư mới	19.624	26.540	135,2%	30.878	86,0%
2	Sửa chữa lớn	7.889	7.837	99,3%	7.280	107,7%
III	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	6.388	110	1,7%	9.100	1,2%
1	Đầu tư mới	2.498	110	4,4%	9.100	1,2%
2	Sửa chữa lớn	3.890				
Tổng cộng (I+II+III):		69.596	66.467	95,5%	109.667	60,6%

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ - ĐIỀU HÀNH

Sửa đổi, bổ sung, ban hành lại nhiều quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật;

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc liên quan dự án phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp với mục tiêu đảm bảo thống nhất áp dụng đồng bộ cho Tổng công ty PLC và các Công ty con.

Triển khai các nội dung liên quan dự án phần mềm quản trị nhân sự để tiến tới áp dụng tại Công ty mẹ trong năm 2021.

Tiếp tục tăng cường điều hành tài chính hiệu quả giữa các đơn vị trong Tổng công ty.

CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT RỦI RO, TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tăng cường trong công tác quản lý, giám sát để tiết giảm chi phí;

Nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp thông qua việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các Quy chế quản lý nội bộ.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Tổng công ty.

Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban nhằm kiểm soát tốt các diễn biến của thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể;

Tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực chuyên ngành, không đầu tư vào các ngành nghề mà đối với Tổng công ty không phải là thế mạnh.

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2021

Căn cứ chỉ đạo của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, căn cứ diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm 2020; căn cứ đánh giá, nhận định thị trường và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của TCT, TCT đã triển khai xây dựng kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2021 để trình ĐHCĐ thường niên 2021 xem xét, thông qua.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex tiếp tục phấn đấu đảm bảo an toàn mọi mặt trong hoạt động SXKD, đảm bảo đời sống của cán bộ người lao động; tiếp tục thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ toàn PLC.

Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.

Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống; tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; hạn chế và kiểm soát tốt công nợ; tiếp tục tăng cường điều hành tài chính tập trung.

Quyết tâm triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ – Công ty con.

Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị để nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường tại Việt Nam và đưa sản phẩm PLC vươn ra thị trường các nước trong khu vực.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG:

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn XĐVN và HĐQT Tổng công ty PLC, từ tháng 04/2020 đến tháng 12/2020 PLC đã thực hiện giảm 15% lương Người quản lý.

Năm 2020 mặc dù bị ảnh hưởng rất lớn của đại dịch Covid - 19 nhưng với chỉ đạo của HĐQT Tổng công ty PLC, quyết tâm của Ban điều hành cùng toàn thể CB-NLĐ Tổng công ty PLC đã phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao; do đó, tiền lương và thu nhập của NLD được ổn định, tiền lương BQ đạt 17,45 triệu đồng / người /tháng.

Căn cứ đánh giá thực tế việc chi trả tiền lương hàng tháng các năm đã qua và đánh giá tình hình thị trường lao động; mức lương tối thiểu vùng, mức lương cơ sở do Nhà nước quy định cũng đã tăng lên qua các năm từ 2017 - 2020; năm 2020 HĐQT Tổng công ty PLC đã quyết định tăng mức lương chi trả hàng tháng của NLD PLC thêm 17,9% (bằng với mức tăng lương tối thiểu vùng mà Nhà nước đã công bố từ năm 2017 đến năm 2020); việc tăng mức lương chi trả hàng tháng ngoài góp phần tạo động lực cho NLD PLC cũng là yếu tố thuận lợi trong việc thu hút và tuyển dụng lao động của Tổng công ty PLC

CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀ BẢO HIỂM:

Tổng công ty PLC thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định. 100% cán bộ, người lao động làm việc tại PLC đều được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động. Tổng công ty PLC thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của luật lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, trợ cấp hưu trí, thai sản; ngoài chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật lao động, PLC còn tổ chức mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe của Tổng công ty CP Bảo hiểm Petrolimex cho toàn bộ cán bộ, người lao động PLC, với bảo hiểm chăm sóc sức khỏe này đã góp phần giúp cán bộ, người lao động PLC được thanh toán một phần/toàn bộ các chi phí liên quan đến khám, chữa bệnh khi ốm đau.

Năm 2020 không có tranh chấp về lao động; quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà PLC đã đề ra luôn được đảm bảo và thực hiện đúng, đầy đủ.

CÁC PHÚC LỢI KHÁC:

Cán bộ, người lao động của PLC được hưởng các chế độ khác từ nguồn Quỹ phúc lợi và từ các quy định cụ thể trong Thỏa ước Lao động Tập thể của PLC. Bên cạnh đó, PLC trích 01 tháng lương từ chi phí (theo quy định của Chính phủ) để chi những khoản như tham quan nghỉ mát, hỗ trợ cước tàu xe nghỉ nghỉ phép, chi các dịp Lễ, Tết, chi ngày truyền thống ngành xăng dầu, ngày thành lập Tổng công ty PLC, ... cho cán bộ, người lao động; Mức chi và nội dung chi các thời điểm khác nhau phụ thuộc vào điều kiện thực tế hoạt động SXKD của PLC và các quy định cụ thể trong Thỏa ước Lao động Tập thể của PLC.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Mặc dù chịu nhiều tác động tiêu cực từ các yếu tố không thuận lợi nhưng năm 2020 tiếp tục khẳng định tính bền vững và hệ thống cũng như tiếp tục ghi nhận thành công trong điều hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

- Năm 2020 bước qua trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp với sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19. Đặc biệt, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex chịu tác động trực tiếp và nặng nề khi các ngành hàng kinh doanh cốt lõi bao gồm dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất đều 100% nhập khẩu từ nước ngoài. Cùng với đó, thị trường dầu mỏ năm 2020 có nhiều biến động lớn; có lúc giá dầu thô âm; dẫn đến ảnh hưởng đến công tác tạo nguồn và điều hành giá bán tại thị trường Việt Nam.
- Tuy nhiên, bằng việc bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô và giá dầu thế giới, năm 2020 cũng là năm ghi nhận thành công trong hoạt động SXKD. Ban điều hành đã xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp đã được thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên 2020.
- Từng tháng, từng quý đều rà soát, đánh giá tiến độ kế hoạch, đánh giá mức độ phù hợp của các giải pháp với tình hình thực tế ở từng thời điểm, từng vùng thị trường để điều chỉnh một cách linh hoạt để đề ra các giải pháp mới phù hợp hơn, đảm bảo liên tục bám sát kế hoạch mà ĐHCĐ giao.
- Với sự tập trung lãnh đạo, giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời của lãnh đạo Tổng công ty PLC, sự phối hợp, giúp đỡ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, các đối tác, khách hàng cũng như sự nỗ lực của toàn thể cán bộ người lao động PLC trong thực hiện mục tiêu kép, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex tiếp tục khẳng định tính bền vững và hệ thống cũng như tiếp tục ghi nhận sự thành công trong điều hành. Chính vì vậy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Đơn vị tính: Tấn,m³/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	So thực hiện năm 2020		Ghi chú
					TH 2019	KH 2020	
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	386.769	345.855	420.433	108,70%	121,56%	
2	Tổng doanh thu thuần	6.160.046	5.016.292	5.608.435	91,05%	111,80%	
*	Giá vốn	5.319.485	4.273.201	4.656.612	87,54%	108,97%	
*	Lãi gộp /Doanh thu	13,65%	14,81%	16,97%	124,37%	114,56%	
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	185.361	138.000	189.948	102,47%	137,64%	
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	145.164	109.500	147.842	101,84%	135,02%	
*	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,36%	2,18%	2,64%	111,86%	120,76%	
5	Tỷ suất LNST/VCSH	11,05%	8,45%	11,13%	100,67%	131,67%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	16,81%	13,55%	17,15%	102,02%	126,55%	
7	Tỷ lệ cổ tức	15%	Tối thiểu 80% LNST	Tối thiểu 80% LNST			



Năm 2021, Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex dự kiến tập trung triển khai các định hướng lớn và để hoàn thành tốt cho những mục tiêu sắp tới của Tổng công ty PLC đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu, quyết liệt thực hiện các giải pháp trọng tâm. Những giải pháp chung cho cả Tổng công ty PLC như:

- Chủ động nghiên cứu, tiếp tục tổ chức thực hiện để án tái cấu trúc, giải quyết những bất cập từ cơ cấu HĐQT đến tổ chức bộ máy và mối quan hệ Công ty mẹ-công ty con; nâng cao khả năng điều phối, hỗ trợ các nguồn lực tài chính; có chính sách huy động nguồn lực tài chính hợp lý, cân bằng cơ cấu, tăng cường kiểm tra, giám sát và hiệu quả hoạt động từng đơn vị.
- Thường xuyên đánh giá, nghiên cứu chính sách bán hàng, đầu tư, hỗ trợ cả vật chất và con người cho đến chính sách, thu nhập cho cán bộ trực tiếp kinh doanh. Giữ vững và khai thác hiệu quả hơn nữa thị trường,

khách hàng đang có, đẩy mạnh việc hợp tác chặt chẽ sâu rộng với từng thành viên trong Tập đoàn Petrolimex.

- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.
- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, tạo tiền đề phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex trong giai đoạn mới, tiếp tục đầu tư CSVCKT, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, phấn đấu mở rộng thị trường trong nước và Quốc tế nâng cao vị thế và hình ảnh của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex trong lĩnh vực dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất mang thương hiệu Petrolimex.

SẢN LƯỢNG
420.433M³, TẤN

DOANH THU HỢP NHẤT
5.608.415 TRIỆU ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
189.948 TRIỆU ĐỒNG

TỶ LỆ CỔ TỨC DỰ KIẾN
TỐI THIỂU 80% LNST



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức danh	Số lượng CP cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số CP sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông Lê Quang Tuấn	TGD	6.782	0.0084%	0	Không	Không	Không
2	Ông Nguyễn Thanh Khương	PTGD	0	0%	0	Không	Không	Không
3	Bà Phương Thảo Hiền	KTT	18.820	0,0233%	0	Không	Không	Không

THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

Năm 2020, Ban Điều hành Tổng công ty PLC đã có sự thay đổi quan trọng về nhân sự:

Từ tháng 7/2020: Ông Nguyễn Thanh Khương được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC, nhiệm kỳ 5 năm.

Từ 01/11/2020: Ông Nguyễn Văn Đức - Tổng giám đốc Tổng công ty PLC nghỉ hưởng chế độ hưu trí.

Từ 01/11/2020: Ông Lê Quang Tuấn - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty PLC, nhiệm kỳ 5 năm.



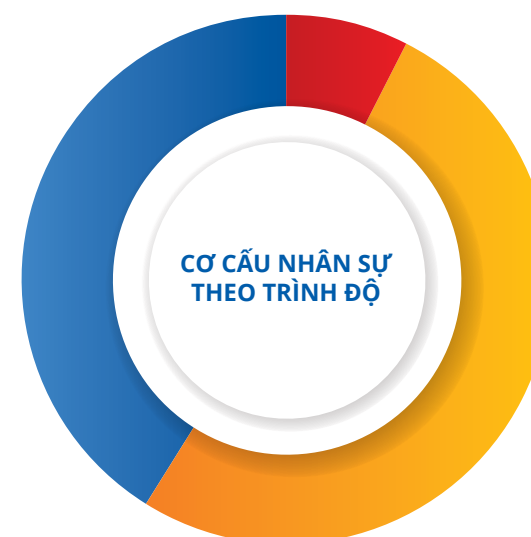
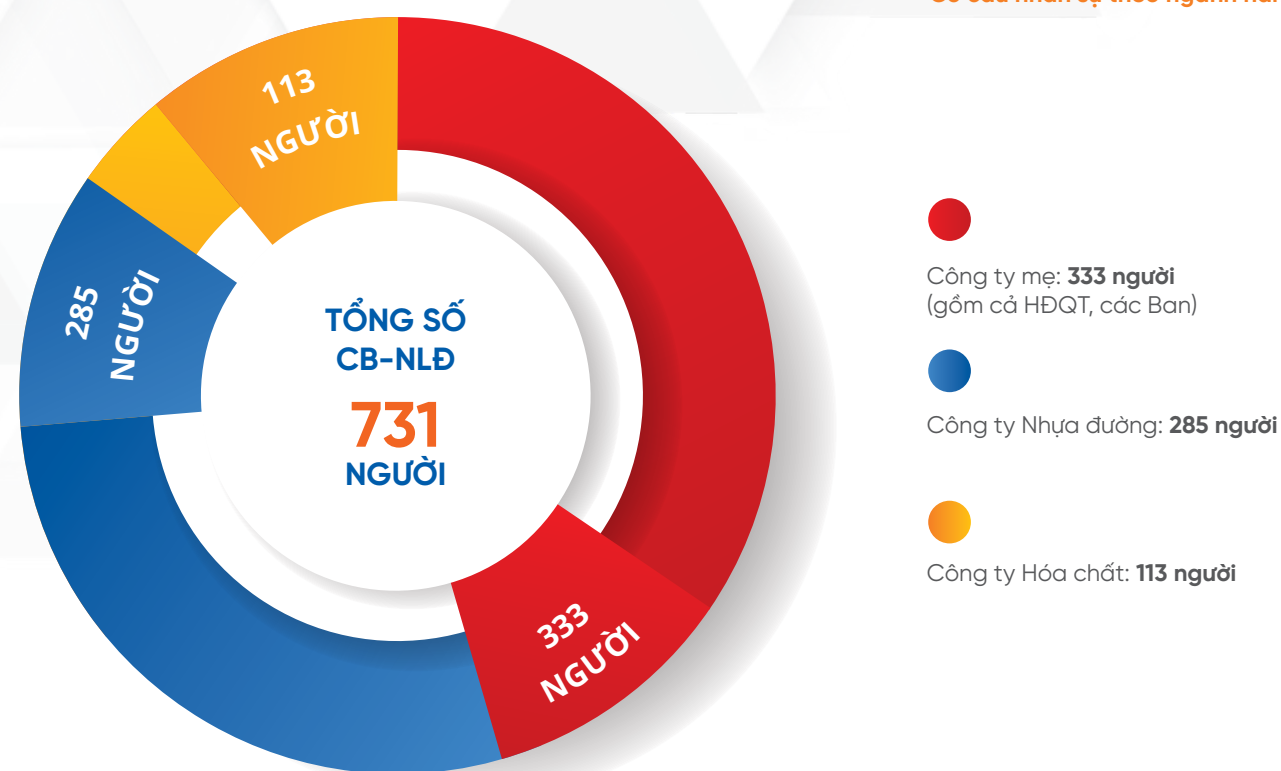
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

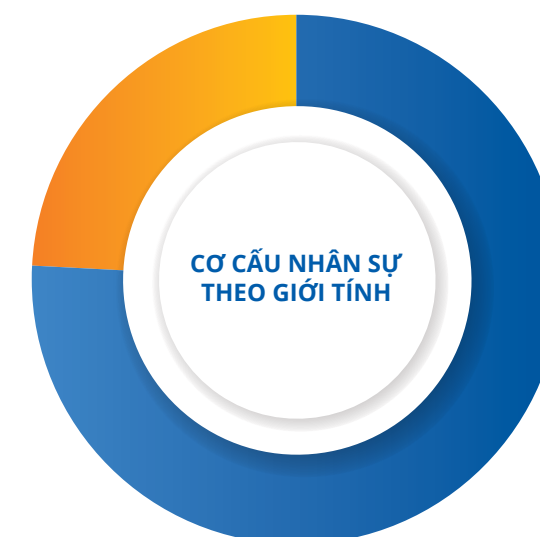
Số lượng lao động có mặt đến ngày 31/12/2020 là 731 người (Số lượng lao động tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 724 người).

Tổng công ty PLC chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

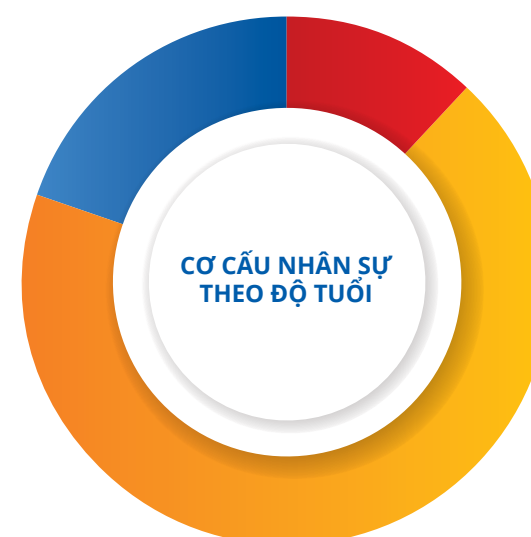
Cơ cấu nhân sự theo ngành hàng



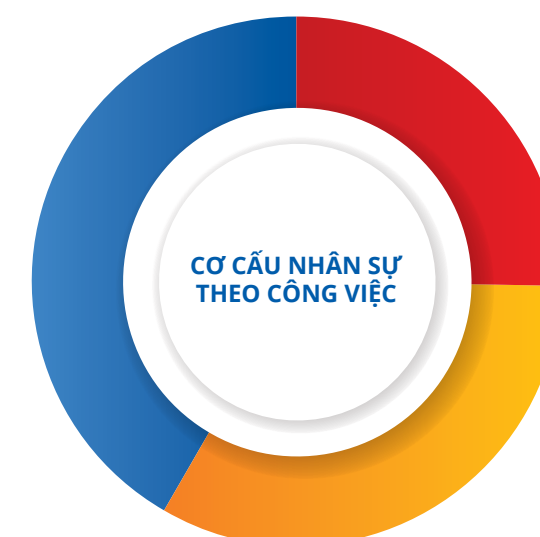
- Trên Đại học: 53 người
- Đại học, Cao đẳng: 377 người
- Cao đẳng trở xuống: 301 người



- Nam: 555 người
- Nữ: 176 người



- Trên 50 tuổi: 87 người
- Từ 30 đến 50 tuổi: 502 người
- Từ 30 tuổi trở xuống: 142 người



- Cán bộ cấp trưởng, phó phòng và tương đương trở lên: 186 người
- Lao động văn phòng: 241 người
- Lao động trực tiếp: 304 người

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Tiền lương bình quân của CB-NLĐ năm 2020 là 17.455.642 đồng/người/tháng, tăng 27 % so với năm 2019.

Điều kiện làm việc ở Tổng công ty PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao, góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

Mục tiêu trả lương ổn định đời sống và khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty.

Tổng công ty là đơn vị vừa có sản xuất, vừa kinh doanh sản phẩm có đặc tính chuyên môn kỹ thuật cao, yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng, kỹ thuật chuyên ngành sâu. Do vậy, ngoài những yêu cầu ban đầu về trình độ đối với người lao động, việc đào tạo, tập huấn chuyên môn hàng năm rất được Tổng công ty chú trọng thực hiện. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức nhiều khóa huấn luyện về sản phẩm, nguyên vật liệu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đại diện bán hàng.

Với ý thức của một doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm liên quan đến cháy nổ, các quy trình, quy phạm về an toàn và sản xuất rất được chú trọng trong phổ biến và giám sát thực hiện hàng ngày. Khi các dự án đầu tư, dây chuyền sản xuất mới được trình duyệt cũng là lúc các quy trình an toàn được thiết lập và được hướng dẫn, tập huấn thực hành cho người lao động. Trong năm 2020, 100% người lao động được hướng dẫn và có chứng chỉ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN NĂM 2020
17.455.642
ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG
TĂNG 27% SO VỚI NĂM 2019



Việc Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn lao động trong năm 2020 chính là thành quả ghi nhận trách nhiệm của Tổng công ty đối với người lao động và tài sản của cổ đông.

Điều kiện làm việc ở Tổng công ty PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

Năm 2020, Tổng công ty đã mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho 100% cán bộ, người lao động của Tổng công ty PLC.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TT	NỘI DUNG	KH 2020 (triệu đồng)	KQ TH 2020		SO VỚI TH NĂM 2019	
			GIÁ TRỊ (triệu đồng)	TỶ LỆ HT	GIÁ TRỊ TH 2019 (triệu đồng)	% SO VỚI TH 2019
I	Tổng công ty PLC (Công ty mẹ)	35.695	31.980	89,6%	62.399	51,3%
1	Đầu tư mới	23.995	20.490	85,4%	39.667	51,7%
2	Sửa chữa lớn	11.700	11.490	98,2%	22.732	50,5%
II	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	27.513	34.377	124,9%	38.158	90,1%
1	Đầu tư mới	19.624	26.540	135,2%	30.878	86,0%
2	Sửa chữa lớn	7.889	7.837	99,3%	7.280	107,7%
III	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	6.388	110	1,7%	9.100	1,2%
1	Đầu tư mới	2.498	110	4,4%	9.100	1,2%
2	Sửa chữa lớn	3.890	0	0,0%	0	-
Tổng cộng (I+II+III):		69.596	66.467	95,5%	109.657	60,6%

Năm 2020 tổng giá trị thực hiện đạt 66.467 triệu đồng bằng 95,5% so với kế hoạch đề ra và bằng 60,6% so với thực hiện năm 2019.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi KPMG)

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So sánh
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	6.160.046	5.608.435	91%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	185.361	189.948	102%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	145.164	147.842	102%
4	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	4.464.435	4.702.059	105%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu tài chính	2019	2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,09	1,04
	- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,77	0,74
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số nợ / Tổng tài sản (lần)	0,70	0,73
	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu (lần)	2,38	2,74
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	4,62	4,35
	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản (lần)	1,34	1,14
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	2,36%	2,65%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	11,04%	11,19%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	3,17%	3,04%



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

TỔNG QUAN

- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex chính thức được thành lập tháng 12/2005 với cơ sở vật chất cũng như mọi nguồn lực vẫn còn khiêm tốn, phải đối mặt với một thị trường hết sức khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt của các tập đoàn dầu khí lớn không chỉ tại Việt Nam mà còn trên thế giới như tập đoàn Shell, Chevron, Exxon Mobil,...

- Trải qua quá trình phát triển, đến nay, Công ty có 01 Công ty con, 06 Chi nhánh và 07 Nhà máy Nhựa đường trải dài trên cả nước, đem lại lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp sản phẩm cho các dự án với cự ly vận chuyển hợp lý. Đồng thời với dàn xe chở nhựa đường được đầu tư chuyên nghiệp đặc biệt đội xe chở, phun tưới nhũ tương đã khẳng định vị trí nhà cung cấp nhựa đường của Công ty đối với một số dự án lớn.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2020.

Năm 2020, Chính phủ đặc biệt thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công nhằm duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát tốt tại Việt Nam. Công ty đã tận dụng được cơ hội để gia tăng sản lượng tiêu thụ, đem lại hiệu quả kinh doanh rất khả quan: sản lượng bán được 260.128 tấn bằng 132,9% so với năm 2019 và đạt 132,7% so với KH 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 32.253 triệu đồng bằng 579,7% so với năm 2019 và đạt 214,8% so với kế hoạch năm 2020.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

- Giai đoạn 2021 – 2025 được dự báo là giai đoạn tăng trưởng cao của mặt hàng nhựa đường do các dự án giao thông đã đến giai đoạn sử dụng nhựa cũng như việc các dự án giao thông mới được đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn. Bên cạnh đó, xu hướng sử dụng sản phẩm, phương pháp thi công đường bộ mới trong giai đoạn này cũng sẽ được dự báo thay đổi do tính ưu việt của các sản phẩm như nhựa đường nhũ tương...

Các giải pháp lớn của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex là:

- Nắm bắt thông tin thị trường thường xuyên, kịp thời để điều hành và xử lý tồn kho đạt hiệu quả cao nhất trong những trường hợp giá biến động mạnh.
- Tăng cường đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm có dẫn xuất của nhựa đường đi kèm theo đó là nâng cao công tác dịch vụ sản phẩm, hỗ trợ khách hàng trong quá trình thi công nhằm phát huy lợi thế và khẳng định vị thế chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ cung ứng đồng bộ.
- Tăng cường thúc đẩy và hỗ trợ bán hàng cho các thị trường xuất khẩu Lào và Campuchia mang nhằm đem lại hiệu quả và khuyến khích thương hiệu cho thị trường mới và tiềm năng.

CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT PETROLIMEX

TỔNG QUAN

- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex được thành lập tháng 12/2005, kinh doanh trên 50 mặt hàng dung môi hóa chất thuộc lĩnh vực hóa dầu bao gồm các nhóm sản phẩm và mặt hàng với tên gọi và công dụng sử dụng khác nhau cho các ngành công nghiệp như da giày, cao su , sơn, nhựa, mút xốp,... Ngoài ra, Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex đang tiếp tục mở rộng kinh doanh nhiều sản phẩm dung môi hữu cơ khác. Trải qua quá trình phát triển, đến nay Công ty vẫn giữ vững vị thế của một trong những công ty kinh doanh dung môi hàng đầu tại Việt Nam với hệ thống gồm 02 Chi nhánh, 03 Kho Hóa chất trên toàn quốc.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2020.

Năm 2020 sản lượng bán được 132.524 tấn bằng 82,2% so với TH 2019 và đạt 105,2% so với KH 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 550 triệu đồng bằng 6,9% so với TH năm 2019 và bằng 14,48% so với kế hoạch năm 2020.

Kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty đạt rất thấp so với cùng kỳ năm 2019 và so với kế hoạch năm 2020, nguyên nhân do:

- Ảnh hưởng của dịch Covid 19, từ cuối tháng 1 đầu tháng 2/2020, một số mặt hàng dung môi hóa chất có xuất xứ từ Trung Quốc như Methyl Acetate, Ethyl Acetate, Butyl Acetate đã chậm xếp hàng về Việt Nam. Một số mặt hàng sử dụng để pha chế dung dịch sát khuẩn như IPA, Ethanol rất khan hiếm, các hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà sản xuất sơn, mực in, keo dán, điện tử,... (sử dụng các sản phẩm dung môi hóa chất Công ty đang kinh doanh) toàn cầu bị đình trệ, suy giảm dẫn đến nhu cầu các sản phẩm này giảm đã đẩy giá các mặt hàng này giảm mạnh. Thị trường trong nước cũng không nằm ngoài ảnh hưởng này: cầu giảm, giá giảm do sản xuất bị đình trệ, suy giảm.

- Cuộc chiến giá dầu giữa Nga và OPEC dẫn đến giá dầu thô giảm mạnh tiếp tục đẩy giá các sản phẩm dung môi hóa chất tiếp đà giảm sâu. Giá một số mặt hàng chủ lực Công ty đang kinh doanh như Toluene, Xylene đã giảm mạnh đến cuối năm đã phục hồi nhưng cũng chỉ khoảng 60% so với thời điểm đầu năm 2020.

- Cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt khi các đối thủ cạnh tranh tiếp tục tăng cường lượng hàng nhập khẩu khi giá dầu bắt đầu tăng cao.

KẾ HOẠCH , ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

- Tiếp tục củng cố, tăng cường mối quan hệ với các Nhà cung cấp nước ngoài truyền thống, đồng thời tìm kiếm các Nhà cung cấp nước ngoài khác nhằm đảm bảo nguồn hàng và tạo lợi thế cạnh tranh, đảm bảo nguồn cung hàng liên tục và hạn chế tối đa tình trạng bị gián đoạn nguồn cung hàng. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu thị trường cũng cần chú ý và quan tâm đúng mức để phân tích, đánh giá được tình hình thị trường cũng như xu hướng giá hàng để có những quyết định kịp thời nhằm mua được những lô hàng với giá thành hợp lý và quyết định chính sách bán hàng phù hợp trong những thời điểm quan trọng.

- Nghiên cứu thị trường để phát triển kinh doanh các sản phẩm mới thuộc các nhóm hàng Công ty đang kinh doanh và phát triển các nhóm hàng, mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dung môi hóa chất. Nắm bắt thông tin thị trường thường xuyên, kịp thời để điều hành và xử lý tồn kho đạt hiệu quả cao nhất trong những trường hợp giá biến động mạnh.

- Trong giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex xác định tiếp tục ổn định và phát triển trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với quá trình vận hành tổ chức kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex và phát huy tiềm năng, lợi thế đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có kiến thức quản trị và bản lĩnh; đặc biệt là văn hóa và tinh thần Petrolimex thấm đậm trong gần người lao động của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex.

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP

TỔNG QUAN

Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP thành lập 16/03/2008 với số vốn góp ban đầu là 50 tỷ đồng; đến nay, vốn điều lệ của Công ty là 150.761 triệu đồng. Hiện nay, Công ty có đội tàu chở nhựa đường gồm 02 tàu VP Asphalt 1, VP Asphalt 2 có tải trọng khoảng 2.300 tấn với chất lượng, tình trạng kỹ thuật và công tác vận hành, khai thác hai tàu tốt, luôn phù hợp với các quy định của các tổ chức đăng kiểm và các đợt kiểm tra của hang Shell, đáp ứng được yêu cầu của người thuê tàu trong khu vực.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2020.

- Trong năm 2020, tình hình kinh doanh của Công ty đã có nhiều khởi sắc. Mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid19, giá nhiên liệu nhưng các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty đã tăng so với tiến độ và cùng kỳ năm 2019.

KẾ HOẠCH , ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

- Trong giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn 2030 xác định tiếp tục ổn định và phát triển trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với quá trình vận hành tổ chức kinh doanh của Tập đoàn, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex và phát huy tiềm năng, lợi thế của các Công ty thành viên.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CỔ PHẦN CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu lưu hành: 80.798.839 cổ phiếu, 100% tự do chuyển nhượng.

Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 1.273 cổ phần

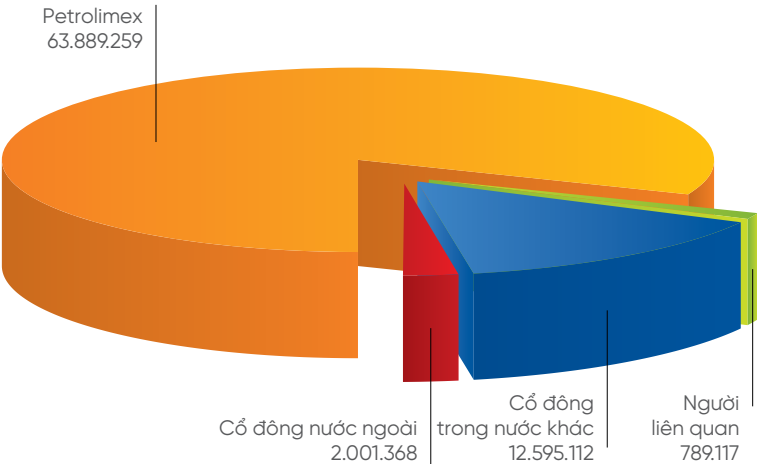
Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: 80.797.566 cổ phần

Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phần

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 là: 15.498 đồng/cổ phần.

Lãi trên cổ phiếu năm 2020 là: 1.715 đồng/cổ phần.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
CHỐT NGÀY 16/03/2021



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
I	Trong nước	3.765	78.797.471	97,52%
1	Cá nhân, trong đó	3.731	13.384.229	16,56%
	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	12	789.117	0,98%
2	Tổ chức	34	65.413.242	80,96%
-	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1	63.889.259	79,07%
-	Tổ chức khác	33	1.523.983	1,89%
II	Nước ngoài	80	2.001.368	2,48%
1	Cá nhân	61	1.130.673	1,40%
2	Tổ chức	19	870.695	1,08%
	Tổng cộng (I) + (II)	3.845	80.798.839	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông	Số cổ phần	% vốn góp	Đối tượng sở hữu
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	63.889.259	79,07%	Tổ chức trong nước

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

52 Cơ cấu và hoạt động của hội đồng quản trị

56 Cơ cấu và hoạt động của ban kiểm soát

57 Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát

62 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc và ban kiểm soát

62 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan





CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến 31/12/2020, HĐQT Tổng công ty PLC có 07 thành viên.

Trong năm 2020 có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị như sau: Kể từ ngày 25/05/2020, ông Phạm Bá Nhuận - Nguyên Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Văn Đức - Nguyên TV HĐQT đã thôi không tham gia HĐQT Tổng công ty PLC NK 2019 - 2024; ông Nguyễn Khanh Thương và ông Trần Tuấn Linh được bầu bổ sung tham gia HĐQT Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024; cùng ngày, HĐQT Tổng công ty PLC đã bầu ông Đỗ Hữu Tạo giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty PLC.

Ngoài số cổ phần được Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ủy quyền đại diện vốn tại Tổng công ty PLC, các TV HĐQT có số lượng cổ phần nắm giữ như sau:



STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	SL CP cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số CP sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	0	0%	0	Không	Không	Không
2	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên (Tổng giám đốc)	6.782	0.0084%		Không	Không	Không
3	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên (Phó Tổng giám đốc)	0	0%	0	Không	Không	Không
4	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên	0	0%	0	Không	Không	Không
5	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên	400.050	0,4951%	234.896	Không	Không	Không
6	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên	95.847	0,1186%	10.554	Không	Không	Không
7	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên	16.700	0,0207%	0	Không	Không	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thời gian	Nội dung	Kết quả
1	16/01/2020	- Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT - Một số vấn đề khác	Quyết định số 03/QĐ-PLC-HĐQT ngày 21/1/2020 – Bổ nhiệm Phó Ban Tài chính đầu tư Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP
2	27/03/2020	- Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 - Công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT - Một số vấn đề khác	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
3	18/05/2020	- Chuẩn bị nhân sự tại ĐHĐCĐ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2020 - Một số vấn đề khác	Nghị Quyết số 07/NQ-PLC-HĐQT ngày 25/05/2020
4	25/05/2020	- Công tác cán bộ và chuẩn bị bàn giao chức danh Tổng giám đốc Tổng công ty PLC - Một số vấn đề khác	Nghị Quyết số 07/NQ-PLC-HĐQT ngày 25/05/2020
5	09/06/2020	Thống nhất bàn giao chức năng, nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT giữa ông Phạm Bá Nhuận và ông Đỗ Hữu Tạo	Nghị Quyết số 09/NQ-PLC-HĐQT ngày 09/06/2020
6	10/06/2020	Giao nhiệm vụ trả lời chất vấn của cổ đông	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
7	03/07/2020	- Thông qua các kế hoạch năm 2020 do Trưởng ban kế hoạch hóa trình: Kế hoạch LĐTTL; Kế hoạch Đầu tư CSVCKT - Thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2019 cho các đơn vị thuộc Tổng công ty PLC	Nghị Quyết số 11/NQ-PLC-HĐQT ngày 03/07/2020
8	29/07/2020	- Thống nhất thành lập Ban sửa đổi, bổ sung Quy chế Tài chính và xây dựng Quy chế Quản lý công nợ của Tổng công ty PLC; thành lập Ban chỉ đạo triển khai văn bản 977/PLX-HĐQT ngày 16/07/2020 của ĐTXDVN v/v Chỉ đạo sau phúc tra - Thống nhất công tác cán bộ tại Tổng công ty PLC, HDTV Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex - Một số vấn đề khác	Nghị Quyết số 13/NQ-PLC-HĐQT ngày 29/07/2020
9	24/08/2020	- Thống nhất bổ sung chức danh Chủ tịch Công đoàn chuyên trách - Tiếp tục hoàn thiện phân công nhiệm vụ các TV HĐQT đồng thời dự thảo sửa đổi bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Tổng công ty PLC - Một số nội dung khác	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
10	14/09/2020	- Thống nhất giao nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn; - Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Tổng công ty PLC - Giao nhiệm vụ xem xét sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của các công ty con - Một số nội dung khác	Nghị Quyết số 14/NQ-PLC-HĐQT ngày 14/09/2020
11	16/10/2020	- Hợp liên tịch giữa TVĐU-HĐQT-BTGD Tổng công ty PLC để xem xét, bổ nhiệm Tổng giám đốc - Một số vấn đề khác	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp

STT	Thời gian	Nội dung	Kết quả
12	06/11/2020	- Xem xét điều chỉnh Bảng Cấu trúc lương và kế hoạch LĐTTL 2020 các đơn vị thuộc Tổng công ty PLC; - Báo cáo công tác bàn giao chức danh Tổng giám đốc Tổng công ty.	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
13	04/12/2020	- Thống nhất sửa đổi điều lệ Công ty con theo đề xuất sửa đổi của các Công ty con; - Thống nhất cách thức bàn giao CNNV chức danh TGD và CNNV Bi thư ĐU Tổng công ty PLC và chuẩn bị hợp liên tịch kiểm điểm giữa BTU ĐU và HĐQT Tổng công ty PLC; - Thống nhất bổ sung chức danh Trợ lý TGD vào bảng cấu trúc lương của Tổng công ty PLC; - Thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 10% - Thống nhất tổ chức Lễ Tổng kết năm 2020 toàn Tổng công ty PLC.	Các Thành viên HĐQT thống nhất với các nội dung cuộc họp
14	25/12/2020	- Thanh lý hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2015/PLC-NHO ngày 05/02/2016 và Phụ lục 01 ngày 31/7/2017 giữa Tổng công ty PLC và NHO. - Thống nhất chủ trương tái thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Tổng công ty PLC	Nghị Quyết số 19/NQ-PLC-HĐQT ngày 28/12/2020. Quyết định số 02/QĐ-PLC-HĐQT ngày 12/1/2021

Ngoài 14 phiên họp được triệu tập, Chủ tịch HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 37 lần để ban hành các văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định.



CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

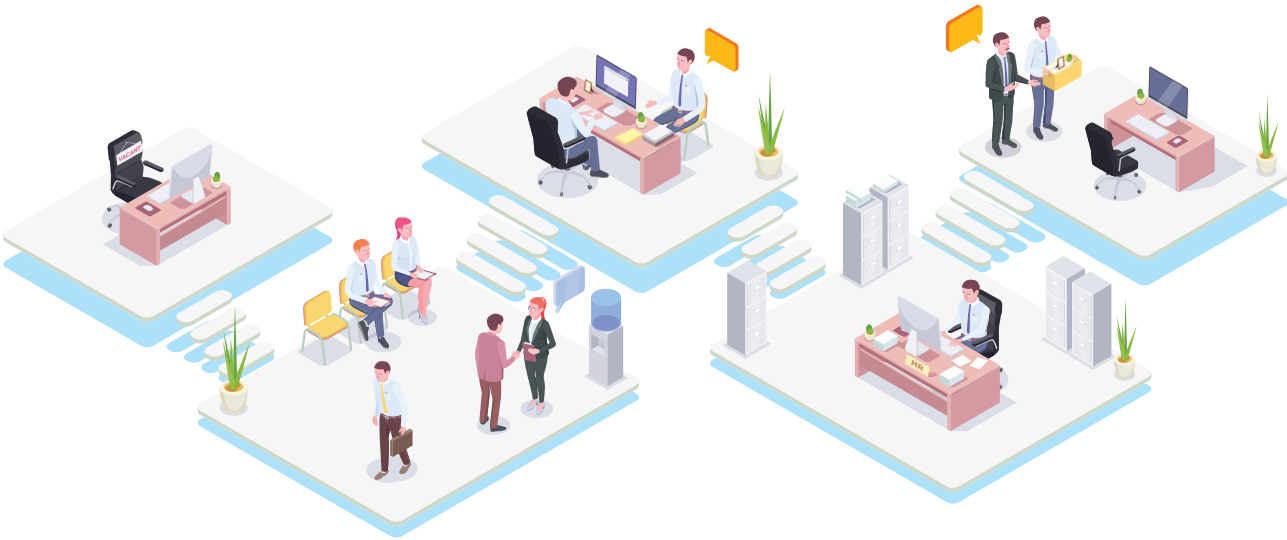
THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty PLC, Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên:

STT	Thành viên BKS	Chức danh	SL CP cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số CP sở hữu của người có liên quan	Hành vi vi phạm pháp luật	Quyền lợi mâu thuẫn với PLC	Lợi ích liên quan đối với PLC
1	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban (Chuyên trách)	0	0%	0	Không	Không	Không
2	Ông Tống Văn Hải	Kiểm soát viên (kiêm nhiệm)	5.001	0,0062%	0	Không	Không	Không
3	Ông Phạm Tuấn Phương	Kiểm soát viên (chuyên trách)	353	0,0004%	114	Không	Không	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Cuộc họp	Thời gian	Nội dung chính	Tham dự
1	Lần 1	11/06/2020	Sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2020, triển khai Kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2020	100%
2	Lần 2	25/12/2020	Tổng kết hoạt động năm 2020; Thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS Tổng công ty PLC	100%



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các Công ty con để triển khai công việc theo quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát với một số hoạt động cụ thể:

Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2020 tại văn bản số 12/PLC-KH-BKS ngày 10/01/2020.

Xây dựng Báo cáo của Ban kiểm soát và Tờ trình chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty PLC 2020.

Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.

Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty PLC.

Giám sát việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD 2020.

Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.

Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Tổ chức Quản lý Vận hành HDSX tại các Nhà máy/ Kho chứa của Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.

Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn XDVN.

Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

Năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.

Năm 2020, từng thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Mỗi thành viên Ban kiểm soát đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các Phòng/Ban của Tổng công ty cũng như các Công ty con trong quá trình triển khai công việc được giao

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty, được Công ty TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2020 của Tổng công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
I	Tổng tài sản	Tr. đồng	1.555.557	4.702.059
1	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	503.486	3.550.517
2	Tài sản dài hạn	Tr. đồng	1.052.070	1.151.542
3	Lợi thế thương mại	Tr. đồng	-	-
II	Tổng nguồn vốn	Tr. đồng	1.555.557	4.702.059
1	Nợ phải trả	Tr. đồng	318.575	3.445.571
2	Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	1.236.982	1.256.488
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr. đồng	-	-
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,58	1,04
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,45	0,74
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	20,48%	73,28%
2	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	79,52%	26,72%
V	Khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr. đồng	137.957	147.842
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bq)	%	17,73%	11,13%
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq)	%	12,29%	3,02%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đ/CP	-	1.715

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2020:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
1. Sản lượng tiêu thụ (m3/tấn)			
a. Toàn Tổng công ty	345.855	420.433	121,56%
b. Công ty mẹ	23.845	27.781	116,51%
2. Tổng doanh thu thuần (tỷ đồng)			
a. Hợp nhất	5.016	5.608	111,80%
b. Công ty mẹ	1.203	1.390	115,52%
3. Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)			
a. Hợp nhất	138	190	137,64%
b. Công ty mẹ	126	172	137,01%
4. Tổng giá trị đầu tư (tỷ đồng)			
a. Toàn Tổng công ty	70	66	95,50%
b. Công ty mẹ	36	32	89,59%
5. Chia cổ tức	Tối thiểu 80% LNST	Tạm ứng cổ tức bằng tiền 10%	-

Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất lợi như dịch bệnh, thiên tai lũ lụt, giá dầu diễn biến thất thường, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tuy nhiên Tổng công ty đã vượt qua khó khăn và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua, cụ thể:

Tổng sản lượng tiêu thụ toàn Tổng công ty: 420.433 m3/tấn, đạt 121,56% kế hoạch năm và bằng 108,7% so với thực hiện năm 2019.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 5.608 tỷ đồng, đạt 111,80% kế hoạch năm, bằng 91,05% so với thực hiện năm 2019.

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 189,948 tỷ đồng, đạt 137,64% kế hoạch năm, bằng 102,47% so với thực hiện năm 2019.

Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 147,842 tỷ đồng, đạt 135,02% kế hoạch năm, bằng 101,84% so với thực hiện năm 2019.

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Vốn điều lệ bq đạt 18,30%.

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Vốn CSH bq đạt 11,13%.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 37 lần để ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty diễn ra nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên HĐQT tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết, 65 Quyết định và một số văn bản theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty và 2 Công ty con nhằm đảm bảo theo đúng các kế hoạch, mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD trong bối cảnh vừa SXKD vừa phòng chống dịch covid, đảm bảo an toàn cho người lao động, duy trì HĐSXKD được liên tục không bị gián đoạn, Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT giao.

Ban kiểm soát nhận thấy nhìn chung Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng công ty và của Pháp luật.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC:

Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng công ty.

Các văn bản tài liệu của BKS như: kế hoạch hoạt động, chương trình giám sát, biên bản họp BKS, biên bản kiểm tra giám sát, các báo cáo định kỳ của BKS đều được gửi tới HĐQT theo quy định.

Các văn bản tài liệu Ban Tổng giám đốc gửi HĐQT đều được gửi tới BKS, đồng thời các văn bản tài liệu HĐQT định hướng chỉ đạo cũng được gửi cho BKS theo quy định.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định.

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để hoạt động SXKD của Tổng công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, Ban kiểm soát kiến nghị với HĐQT, Tổng giám đốc một số nội dung sau:

Tiếp tục rà soát đánh giá để tái cấu trúc mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty.

Nhiều Luật, Nghị định, Quy định mới có hiệu lực trong năm 2021, đề nghị Tổng công ty cần tiếp tục rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình quản lý, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật.

Khẩn trương triển khai dự án ERP để nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin, đồng bộ để quản trị, điều hành nâng cao hiệu quả SXKD và phòng ngừa rủi ro.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ; Rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty con và công ty liên kết.

Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường,

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

Năm 2021, Ban kiểm soát tập trung thực hiện Kế hoạch công tác giám sát đã xây dựng tại văn bản số 01/PLC-KH-BKS ngày 11/01/2021 với các nội dung trọng tâm sau đây:

Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty;

Giám sát việc xây dựng, giao và tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD tại Tổng công ty và các Công ty con;

Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Quản lý chi phí HĐ SXKD tại Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.

Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Chi nhánh Nhựa đường Lào.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến đóng góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Tham gia các cuộc họp quan trọng của Ban TGD để nắm bắt có ý kiến đóng góp kịp thời công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát như: Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Tập đoàn XDVN; Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ; Tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH:

Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng công ty và Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty con được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2020 là: 2.352.475.938 đồng.

Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 thực hiện theo phương án được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 là 1.238.234.588 đồng.

Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên HĐQT	56.700	0,0702%	16.700	0,0207%	Bán

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: KHÔNG CÓ

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

Các Quy chế như Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác của toàn Tổng công ty, Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng của NQL Công ty mẹ- Tổng công ty và NQL của các Công ty con; Quy chế quản lý lao động và phân phối tiền lương, tiền thưởng của NLD Tổng công ty PLC; Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng tại Tổng công ty PLC; Quy chế quản lý của Người đại diện vốn của Tổng công ty PLC tại doanh nghiệp khác. Sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Người đại diện vốn của PLX tại Tổng công ty PLC; Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty PLC; Quy định chế độ thông tin báo cáo HĐQT Tổng công ty PLC; Đồng thời HĐQT quyết định thay đổi Điều lệ của các công ty con cho phù hợp với mô hình tổ chức mới và quy mô Vốn điều lệ tại Công ty con và yêu cầu HĐQT ban hành một số quy chế quản trị nội bộ để vận hành cho phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của HĐQT Tổng công ty PLC. HĐQT Tổng công ty PLC đang cho tiến hành rà soát và hoàn thiện định hướng pháp lý trong điều kiện tái cấu trúc và thực tiễn như: ban hành mới Quy chế tài chính toàn hệ thống Tổng công ty PLC (bao gồm Công ty mẹ và công ty con), Quy chế bảo lãnh tín dụng (của Công ty mẹ đối với các Công ty con...)

Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào Tổng công ty PLC.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

66 Mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển bền vững

66 Tiêu chuẩn môi trường

68 Hiệu quả kinh tế

69 Tiêu chuẩn xã hội



MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việc kinh doanh các mặt hàng Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường và Hóa chất luôn tiềm ẩn nhiều nguy cơ cháy nổ và ô nhiễm môi trường, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex luôn xác định “ Phát triển bền vững” là nhu cầu cấp bách và là xu thế tất yếu trong chiến lược, định hướng phát triển chung; sự phát triển về kinh tế phải luôn đi kèm với công tác bảo vệ môi trường và phát triển xã hội.

Phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường, nhằm mang lại một môi trường xanh cho cộng đồng và góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, đó chính là quan điểm trọng tâm và xuyên suốt của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Kể từ khi thành lập tới nay, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex luôn coi nhiệm vụ gìn giữ, bảo vệ môi trường và sự an toàn cho người lao động là mục tiêu hàng đầu.

Nguyên vật liệu chính để sản xuất và pha chế dầu mỡ nhờn của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex là dầu gốc và phụ gia, đều phải nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và theo tiêu chuẩn chất lượng của Tổng công ty công bố.

Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, là các sản phẩm năng lượng không tái tạo, Tổng công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm nhất nguyên liệu cũng như năng lượng điện và nhiên liệu hóa thạch. Việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc cải tạo và nâng cấp hệ thống sản xuất hiện nay tại các nhà máy, đưa công nghệ mới vào sản xuất và bảo quản hàng hóa, chính là phương pháp mà Tổng công ty áp dụng để tiết kiệm nguồn năng lượng hiện đang sử dụng.

TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG



CHẤT THẢI RẮN (CTR):

Khối lượng chất thải sinh hoạt trung bình tại Kho, Nhà máy của Tổng công ty PLC là 305 kg/tháng;

Chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tại các Kho, Nhà máy sẽ chuyển giao cho các công ty môi trường thu gom, xử lý, như Công ty TNHH môi trường Đô thị Hải Phòng; Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Công ích Huyện Nhà Bè và Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm.

TCT đã thực hiện khai báo hàng năm cơ sở dữ liệu môi trường định kỳ của TCT ngành Công thương;

Cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thông tư hướng dẫn mới về công tác bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ Tài nguyên Môi trường, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

Khối lượng nước thải trung bình của các kho, nhà máy của Tổng công ty: 18,8 m³/ngày đêm. Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất. Lượng nước phát sinh từ các Kho, Nhà máy chủ yếu là nước mưa chảy tràn bề mặt và nước sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

Nước thải được thu gom vào rãnh thoát nước của Nhà máy, được xử lý qua các bể lắng gạn, sau đó đi vào hệ thống thoát nước của các Tổng kho xăng dầu trực thuộc Petrolimex trước khi chảy ra môi trường.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Nguyên vật liệu chính để sản xuất và pha chế dầu mỡ nhờn của Tổng công ty PLC là dầu gốc và phụ gia, đều phải nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và theo tiêu chuẩn chất lượng do Tổng công ty PLC công bố. Tổng công ty PLC không sử dụng nguyên liệu tái chế để sản xuất sản phẩm.

Các sản phẩm bao bì, đóng gói thành phẩm dầu mỡ nhờn của Tổng công ty PLC được sản xuất trong nước và là bao bì mới. Các nhà cung cấp bao bì cho Tổng công ty PLC đều đáp ứng các yêu cầu về quản lý môi trường.

Tổng công ty PLC có quy trình xử lý sản phẩm mất phẩm chất. Các sản phẩm này được Tổng công ty PLC ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, là các sản phẩm năng lượng không tái tạo, Tổng công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm nhất nguyên liệu cũng như năng lượng điện và nhiên liệu hóa thạch.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc cải tạo và nâng cấp hệ thống sản xuất hiện nay tại các nhà máy, đưa công nghệ mới vào sản xuất và bảo quản hàng hóa, chính là phương pháp mà PLC áp dụng để tiết kiệm nguồn năng lượng hiện đang sử dụng.

Tổng công ty PLC thực hiện giải pháp chiếu sáng tiết kiệm theo quy định về chiếu sáng tại Văn phòng và các khu vực sản xuất tại các Nhà máy, Kho DMN, NĐ, HC. Thống nhất sử dụng đèn Led thay thế cho đèn huỳnh quang để tiết kiệm năng lượng, đảm bảo các điều kiện an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng cháy và chữa cháy và tính thẩm mỹ.

NƯỚC

Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.

Khối lượng nước tiêu thụ chủ yếu là để phục vụ cho sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

Một lượng nước nhỏ chủ yếu được sử dụng làm nước dự trữ cứu hỏa, nước vệ sinh công nghiệp, lượng nước này không thuộc đối tượng phải theo dõi theo quy định của Luật tài nguyên nước. Lượng nước này tùy theo chất lượng và mục đích sử dụng sẽ được kiểm soát trước khi thải ra môi trường. Đối với nước vệ sinh công nghiệp có lẫn dầu mỡ sẽ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tổng công ty nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Tổng công ty đã phân công và bố trí cán bộ cập nhật và tuân thủ các qui định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi thực hiện dự án xây dựng và trong quá trình vận hành các Nhà máy dầu nhờn, Tổng công ty đều lập báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM và lập kế hoạch BVMT.

Thông qua việc giám sát môi trường, Tổng công ty có thể nhận định: chất lượng môi trường không khí, các thông số vi khí hậu và nước thải tại các khu vực Thượng Lý, Nhà Bè, Đức Giang và các khu vực khác có kho, nhà máy của PLC đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Sự quan tâm và ý thức bảo vệ môi trường đã được phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, người lao động của Tổng công ty để thực hiện nghiêm các qui định của Pháp luật.

Bên cạnh việc đầu tư, phát triển hệ thống và công nghệ xử lý, Tổng công ty tiếp tục tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thông qua các Chương trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, Tổng công ty PLC đã có cơ hội được cập nhật, bổ sung các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, thực hiện nghiêm các qui trình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	% Thay đổi 2020/2019
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	6.434.374	6.160.046	5.608.435	91,05%
Lợi nhuận trước thuế	194.953	185.361	189.948	102,47%
Lợi nhuận sau thuế	148.609	145.164	147.842	101,84%
Nộp ngân sách nhà nước	986.704	825.428	616.424	74,68%
Tổng tài sản	4.858.245	4.464.435	4.702.059	105,32%
Nợ phải trả	3.536.895	3.142.610	3.445.571	109,64%
Vốn chủ sở hữu	1.321.350	1.321.825	1.256.488	95,06%
Vốn cổ phần của chủ sở hữu	807.988	807.988	807.988	100,00%

Theo báo cáo hợp nhất, doanh thu thuần của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex trong năm 2020 đạt 5.608.435 triệu đồng, giảm 8,95% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 189.948 triệu đồng, tăng 2,47% so với năm 2019. Tổng công ty tiếp tục duy trì sự ổn định tài chính về lợi nhuận trong năm 2020.

DOANH THU THEO VÙNG ĐỊA LÝ

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Doanh thu theo vùng địa lý		Tổng doanh thu
	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	
2018	6.272.872	161.502	6.434.374
2019	5.977.786	182.260	6.160.046
2020	5.394.040	214.394	5.608.435

KHOẢN ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng tiền thuế Tổng công ty nộp Ngân sách Nhà nước trong năm 2020 là 616.424 triệu đồng, trong đó nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 41.335 triệu đồng.

TIÊU CHUẨN XÃ HỘI

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

TỔNG QUAN VỀ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Gần 30 năm xây dựng và trưởng thành, các thế hệ lãnh đạo tại Tổng công ty PLC luôn trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Tổng công ty PLC. Có thể nói, Tổng công ty PLC đã xây dựng được nguồn nhân lực vững mạnh, giàu nhiệt huyết, giỏi chuyên môn và gắn bó lâu dài với Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty PLC không ngừng nâng cao các chính sách đãi ngộ, phúc lợi cho nhân viên nhằm tạo niềm tin và sự gắn kết lâu dài với Tổng công ty PLC.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Toàn Tổng công ty PLC tính đến 31/12/2020 gồm có 731 người, tăng 06 người so với thực tế tại thời điểm 01/01/2020, thấp hơn 11 người so với kế hoạch 2020.

CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch về tuyển dụng, lao động, nghỉ hưu theo chế độ, cho người lao động thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động trình HĐQT thông qua, đảm bảo quyền lợi của người lao động đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.

Công ty mẹ cùng với các Công ty Nhựa đường, Công ty Hóa chất cũng thường xuyên tổ chức cử CB-NLĐ tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CB-NLĐ toàn Tổng công ty, bao gồm: sau đại học, bồi dưỡng nghiệp vụ, các chế độ, văn bản mới của Nhà nước, HTQLCL, các nghiệp vụ xuất khẩu, kinh doanh, bán hàng, đấu thầu, kỹ thuật Dầu mỡ nhờn, Công nghệ thông tin và PCCC...để phát huy hết mọi khả năng về nội lực của đơn vị nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Đối với người quản lý: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn XDVN và HĐQT Tổng công ty PLC, từ tháng 04/2020 đến tháng 12/2020 Tổng công ty PLC đã thực hiện giảm 15% lương Người quản lý.

Đối với người lao động: Căn cứ đánh giá thực tế việc chi

trả tiền lương hàng tháng các năm đã qua và đánh giá tình hình thị trường lao động; mức lương tối thiểu vùng, mức lương cơ sở do Nhà nước quy định cũng đã tăng lên qua các năm từ 2017 - 2020; năm 2020 HĐQT Tổng công ty PLC đã quyết định tăng mức lương chi trả hàng tháng của NLD Tổng công ty PLC thêm 17,9% (bằng với mức tăng lương tối thiểu vùng mà Nhà nước đã công bố từ năm 2017 đến năm 2020); việc tăng mức lương chi trả hàng tháng ngoài góp phần tạo động lực cho NLD Tổng công ty PLC cũng là yếu tố thuận lợi trong việc thu hút và tuyển dụng lao động của Tổng công ty PLC.

Năm 2020 mặc dù bị ảnh hưởng rất lớn của đại dịch Covid - 19 nhưng với chỉ đạo của HĐQT Tổng công ty PLC, quyết tâm của Ban điều hành cùng toàn thể CB-NLD Tổng công ty PLC đã phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao; do đó, tiền lương bình quân của CB-NLD năm 2020 là 17.455.642 đồng/người/tháng, tăng 27 % so với năm 2019.

Năm 2020 không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra luôn được đảm bảo.

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Tổng công ty và các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty PLC nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Giải quyết hợp lý các chi phí cho công tác từ thiện theo quy định tài chính; Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLĐ cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ nghĩa tình đồng đội...

Phong trào đến ơn đáp nghĩa, xã hội, từ thiện và các phong trào khác theo đặc thù của đơn vị được thực hiện một cách có ý nghĩa. Ủng hộ công tác từ thiện địa phương trú đóng; hỗ trợ, đóng góp cho nhiều đối tượng trong và ngoài Tổng công ty có hoàn cảnh khó khăn ...do Công đoàn và chính quyền phát động. Đặc biệt, trong chiến dịch phòng, chống dịch Covid-19, toàn thể CB-NLĐ Tổng công ty PLC đã nhiệt tình hưởng ứng, trích 1 ngày lương để ủng hộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổng số tiền là 293.785.868 đồng. Đồng thời các cán bộ là người quản lý đã tự nguyện giảm 15% mức lương để cùng chia sẻ các khó khăn mà Tập đoàn XDVN đang phải đối mặt trong chiến dịch phòng chống Covid-19.

Giai đoạn 2018 - 2020, Tổng công ty PLC đã chi 3.050,9 triệu đồng cho công tác an sinh xã hội, riêng trong năm 2020, thực hiện chi 1.318,7 triệu đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 38 trong báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó có trình bày vấn đề không chắc chắn trọng yếu liên quan đến các khoản nợ tiềm ẩn về thuế thu nhập doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm những điều chỉnh cho ảnh hưởng của các khoản tiềm ẩn này đối với nghĩa vụ thuế phải trả.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề trên.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00217-21-2



Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.550.517.092.811	3.308.424.386.005
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	698.532.673.835	416.998.526.083
Tiền	111		258.532.673.835	216.998.526.083
Các khoản tương đương tiền	112		440.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		459.448.361.794	260.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	459.448.361.794	260.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.302.813.513.556	1.568.634.391.937
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.496.779.200.590	1.671.965.977.147
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.429.267.527	51.334.941.717
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	15.339.650.452	20.292.054.062
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.771.284.612)	(174.958.580.989)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.679.599	-
Hàng tồn kho	140	10	1.041.011.268.142	989.890.962.425
Hàng tồn kho	141		1.044.108.970.903	989.890.962.425
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.097.702.761)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		48.711.275.484	72.900.505.560
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.603.164.681	5.043.306.870
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.695.627.267	61.191.805.006
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	3.412.483.536	6.665.393.684
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.151.541.644.265	1.156.010.566.369
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.113.695.674	4.671.357.437
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.113.695.674	4.671.357.437
Tài sản cố định	220		879.626.601.997	767.704.213.470
Tài sản cố định hữu hình	221	11	875.357.823.678	763.037.659.609
Nguyên giá	222		1.637.487.316.264	1.436.116.030.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(762.129.492.586)	(673.078.370.391)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.268.778.319	4.666.553.861
Nguyên giá	228		11.569.415.312	11.271.415.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.300.636.993)	(6.604.861.451)
Tài sản dở dang dài hạn	240		52.164.580.380	187.356.203.753
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	52.164.580.380	187.356.203.753
Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.646.105.597	31.533.030.158
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	31.646.105.597	31.533.030.158
Tài sản dài hạn khác	260		182.990.660.617	164.745.761.551
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	182.990.660.617	164.745.761.551
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.702.058.737.076	4.464.434.952.374

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.445.570.605.727	3.142.609.666.080
Nợ ngắn hạn	310		3.403.973.245.480	3.023.818.407.804
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.365.651.698.318	1.303.707.671.543
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.841.931.283	24.037.064.202
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	21.984.237.388	25.650.237.434
Phải trả người lao động	314		33.154.764.492	22.699.552.364
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.151.412.699	13.377.538.802
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	42.755.249.550	22.669.095.965
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.844.984.164.515	1.605.206.416.678
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	2.449.787.235	6.470.830.816
Vay dài hạn	330		41.597.360.247	118.791.258.276
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	8.620.200.983
Vay dài hạn	338	20(b)	39.868.546.141	108.758.449.420
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.728.814.106	1.412.607.873
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.256.488.131.349	1.321.825.286.294
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.256.488.131.349	1.321.825.286.294
Vốn cổ phần	411	23	807.988.390.000	807.988.390.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.392.874.232)	486.759.603
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	357.760.233.042	345.201.116.411
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		21.423.191.358	21.073.673.140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	66.694.671.181	143.060.827.140
Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(1.785.939.430)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		66.694.671.181	144.846.766.570
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.702.058.737.076	4.464.434.952.374
(440 = 300 + 400)				

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	5.608.434.652.325	6.160.045.784.751
Giá vốn hàng bán	11	28	4.656.912.122.834	5.319.485.353.753
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		951.522.529.491	840.560.430.998
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	78.025.090.629	44.108.876.437
Chi phí tài chính	22	30	118.017.780.134	137.239.836.013
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.168.503.455	127.080.101.022
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		113.075.439	(12.001.121.931)
Chi phí bán hàng	25	31	528.106.657.024	468.666.924.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	204.213.715.090	105.293.152.047
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		179.322.543.311	161.468.272.913
Thu nhập khác	31	33	14.842.792.539	27.580.737.520
Chi phí khác	32		4.217.058.220	3.687.855.448
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		10.625.734.319	23.892.882.072
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		189.948.277.630	185.361.154.985
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	41.790.313.187	38.784.385.160
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		316.206.233	1.412.607.873
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		147.841.758.210	145.164.161.952
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		147.841.758.210	145.164.161.952
				Đã điều chỉnh lại
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.715	1.681

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:  **Nguyễn Quang Hưng**
Kế toán viên

Người duyệt:  **Phương Thảo Hiền**
Kế toán trưởng

  **Lê Quang Tuấn**
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:  **Nguyễn Quang Hưng**
Kế toán viên

Người duyệt:    **Lê Quang Tuấn**
Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	189.948.277.630	185.361.154.985
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	98.512.665.043	78.012.470.516
Các khoản dự phòng	03	61.910.406.384	846.311.060
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.865.637.647)	(1.534.925.168)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(49.215.063.271)	(34.607.940.873)
Chi phí lãi vay	06	106.168.503.455	127.080.101.022
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	405.459.151.594	355.157.171.542
Biến động các khoản phải thu	09	209.747.026.516	335.501.668.323
Biến động hàng tồn kho	10	(54.218.008.478)	149.209.182.327
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	91.822.436.112	152.790.077.924
Biến động chi phí trả trước	12	(8.554.600.702)	(5.409.016.787)
		644.256.005.042	987.249.083.329
Tiền lãi vay đã trả	14	(105.588.953.032)	(127.889.306.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.355.388.877)	(50.035.793.266)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.427.330.429)	(13.143.777.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	481.884.332.704	796.180.205.767
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(54.065.806.408)	(202.290.631.138)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	645.842.997	24.558.563.798
Tiền chi mua công cụ nợ thuần	23	(199.448.361.794)	(149.190.651.775)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	51.348.582.456	26.799.459.217
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(201.519.742.749)	(300.123.259.898)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	4.088.669.599.539	4.658.027.644.999
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.917.631.338.951)	(5.191.981.017.616)
Tiền trả cổ tức	36	(167.786.153.750)	(129.245.275.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.252.106.838	(663.198.648.417)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	283.616.696.793	(167.141.702.548)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	416.998.526.083	583.654.569.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.082.549.041)	485.658.886
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	698.532.673.835	416.998.526.083

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng





Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(a) Hoạt động chính

- Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:
- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(a) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(b) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(c) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (1/1/2020: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2020 và 1/1/2020
	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty con cấp 1			
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty con cấp 2			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Viêng- chăn, Lào	100%

(*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty và các công ty con có 731 nhân viên (1/1/2020: 734 nhân viên).

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(a) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(a) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(a) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, vv...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(iv) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

(v) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(ví) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(vii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 – 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(viii) Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 và Tầng 19 Tòa nhà Mipex, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ix) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(x) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(xi) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(xii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí vận tải trả trước và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(m) **Vốn cổ phần**

(xiii) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(xiv) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) **Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

(o) **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) **Doanh thu và thu nhập khác**

(xv) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(xvi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(q) **Thuê tài sản**

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) **Lãi trên cổ phiếu**

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty sau khi trừ số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

(u) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn") và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

(v) **Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ – công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dấu mở nhtron		Nhựa đưong		Hóa chất		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.383.891.079.329		2.524.846.889.555		1.699.696.683.441		-		5.608.434.652.325	
Doanh thu giữa các bộ phận	5.811.286.736		457.150.072		11.110.000		(6.279.546.808)		-	
Tổng doanh thu của bộ phận	1.389.702.366.065		2.525.304.039.627		1.699.707.793.441		(6.279.546.808)		5.608.434.652.325	
Giá vốn hàng bán	940.521.431.257		2.171.053.974.368		1.551.616.264.017		(6.279.546.808)		4.656.912.122.834	
Chi phí bán hàng	208.680.806.878		227.808.994.897		91.616.855.249		-		528.106.657.024	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.720.908.872		107.215.438.613		18.277.367.605		-		204.213.715.090	
Kết quả kinh doanh của bộ phận	161.779.219.058		19.225.631.749		38.197.306.570		-		219.202.157.377	
Doanh thu hoạt động tài chính	17965.282.729		59.458.427.546		15.451.859.920		(14.850.479.566)		78.025.090.629	
Chi phí tài chính	8,955.503.665		55,032.048.561		53,917,152.469		113,075.439		118,017,780.134	
Phần lỗ trong công ty liên kết	-		-		-		113,075.439		113,075.439	
Thu nhập khác	4,521,057,899		8,607,039,472		1,714,695,168		-		14,842,792,539	
Chi phí khác	3,314,522,536		5,900,426		896,635,258		-		4,217,058,220	
Kết quả từ các hoạt động khác	10.216.314.427		13.027.518.031		(37.647.232.639)		(14.850.479.566)		(29.253.879.747)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	171,995,533,485		32,253,149,780		550,073,931		(14,850,479,566)		189,948,277,630	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34,038,179,122		7,320,266,128		4,318,679,37		-		41,790,313,187	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-		316,206,233		-		-		316,206,233	
Lợi nhuận thuần sau thuế	137,957,354,363		24,616,677,419		118,205,994		(14,850,479,566)		147,841,758,210	

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dấu mở nhtron		Nhựa đưong		Hóa chất		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.469.011.205.459		2.251.995.752.506		2.439.038.826.786		-		6.160.045.784.751	
Doanh thu giữa các bộ phận	7.356.291.302		457.150.072		11.110.000		(7.824.551.374)		-	
Tổng doanh thu của bộ phận	1.476.367.496.761		2.252.452.902.578		2.439.049.936.786		(7.824.551.374)		6.160.045.784.751	
Giá vốn hàng bán	1.039.912.980.353		2.020.024.556.484		2.267.372.368.290		(7.824.551.374)		5.319.485.353.753	
Chi phí bán hàng	200.666.944.845		175.839.214.119		92.160.765.567		-		468.666.924.531	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.649.006.671		22.670.681.401		16.973.463.975		-		105.293.152.047	
Kết quả kinh doanh của bộ phận	170.138.564.892		33.918.450.574		62.543.338.954		-		266.600.354.420	
Doanh thu hoạt động tài chính	25,737,390,960		26,964,438,033		12,623,580,702		(21,216,533,258)		44,108,876,437	
Chi phí tài chính	23,596,573,877		57,928,764,533		67,715,619,534		(12,001,121,931)		137,239,836,013	
Phần lỗ trong công ty liên kết	-		-		-		(12,001,121,931)		(12,001,121,931)	
Thu nhập khác	24,414,348,362		2,646,058,169		520,330,989		-		27,580,737,520	
Chi phí khác	3,638,079,128		36,210,774		13,565,546		-		3,687,855,448	
Kết quả từ các hoạt động khác	22.917.086.317		(28.354.479.105)		(54.585.273.389)		(21.216.533.258)		(81.239.199.435)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193,055,651,209		5,563,971,469		7,958,065,565		(21,216,533,258)		185,361,154,985	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35,699,101,364		1,798,790,263		1,286,493,533		-		38,784,385,160	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-		1,412,607,873		-		-		1,412,607,873	
Lợi nhuận thuần sau thuế	157,356,549,845		2,352,573,333		6,671,572,032		(21,216,533,258)		145,164,161,952	

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Dấu mở nhón		Nhựa đường		Hóa chất		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Tài sản										
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.587.710.609		649.116.613.641		6.828.349.585		-		698.532.673.835	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-		459.448.361.794		-		-		459.448.361.794	
Các khoản phải thu ngắn hạn	100.233.705.149		443.058.681.474		768.798.363.048		(9.277.236.115)		1.302.813.513.556	
Hàng tồn kho	360.665.045.768		163.309.476.447		517.036.745.927		-		1.041.011.268.142	
Tài sản ngắn hạn khác	-		23.559.797.072		25.151.478.412		-		48.711.275.484	
Các khoản phải thu dài hạn	-		4.267.338.237		846.357.437		-		5.113.695.674	
Tài sản cố định	304.122.582.247		376.900.950.390		198.603.069.360		-		879.626.601.997	
Tài sản dở dang dài hạn	17.514.033.621		21.495.858.496		13.154.688.263		-		52.164.580.380	
Đầu tư tài chính dài hạn	647.346.105.597		-		-		(615.700.000.000)		31.646.105.597	
Tài sản dài hạn khác	83.087.474.725		30.121.104.177		69.782.081.715				182.990.660.617	
Tổng tài sản	1.555.556.657.716		2.171.278.181.728		1.600.201.133.747		(624.977.236.115)		4.702.058.737.076	
Nguồn vốn										
Nợ ngắn hạn	318.574.845.405		1.790.120.144.611		1.304.555.491.579		(9.277.236.115)		3.403.973.245.480	
Nợ dài hạn	-		1.728.814.106		39.868.546.141		-		41.597.360.247	
Vốn chủ sở hữu	1.236.981.812.311		379.429.223.011		255.777.096.027		(615.700.000.000)		1.256.488.131.349	
Tổng nguồn vốn	1.555.556.657.716		2.171.278.181.728		1.600.201.133.747		(624.977.236.115)		4.702.058.737.076	
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020										
Chi tiêu vốn	33.968.394.329		6.310.086.659		13.787.325.420		-		54.065.806.408	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	44.193.857.077		18.097.270.681		33.401.045.050		-		95.692.172.808	
Khấu hao tài sản cố định vô hình	249.073.838		6.314.583		440.387.121		-		695.775.542	

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

	Dấu mở nhón		Nhựa đường		Hóa chất		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Tài sản										
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.622.933.390		361.532.425.107		24.843.167.586		-		416.998.526.083	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-		260.000.000.000		-		-		260.000.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	123.480.765.977		764.994.867.163		683.279.254.464		(3.120.495.667)		1.568.634.391.937	
Hàng tồn kho	364.462.278.838		198.360.044.356		427.068.639.231		-		989.890.962.425	
Tài sản ngắn hạn khác	1.034.603.293		36.643.347.740		35.222.554.527		-		72.900.505.560	
Các khoản phải thu dài hạn	-		3.825.000.000		846.357.437		-		4.671.357.437	
Tài sản cố định	270.435.178.251		286.709.325.192		210.559.710.027		-		767.704.213.470	
Tài sản dở dang dài hạn	51.357.231.938		122.547.385.913		13.451.585.902		-		187.356.203.753	
Đầu tư tài chính dài hạn	647.233.030.158		-		-		(615.700.000.000)		31.533.030.158	
Tài sản dài hạn khác	71.795.036.694		21.824.959.216		71.125.765.641		-		164.745.761.551	
Tổng tài sản	1.560.421.058.539		2.056.437.354.687		1.466.397.034.815		(618.820.495.667)		4.464.434.952.374	
Nguồn vốn										
Nợ ngắn hạn	251.474.069.747		1.620.989.603.415		1.154.475.230.309		(3.120.495.667)		3.023.818.407.804	
Nợ dài hạn	-		68.955.571.845		49.835.686.431		-		118.791.258.276	
Vốn chủ sở hữu	1.308.946.988.792		366.492.179.427		262.086.118.075		(615.700.000.000)		1.321.825.286.294	
Tổng nguồn vốn	1.560.421.058.539		2.056.437.354.687		1.466.397.034.815		(618.820.495.667)		4.464.434.952.374	
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019										
Chi tiêu vốn	96.967.446.260		85.666.762.310		19.656.422.568		-		202.290.631.138	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	30.025.409.175		28.490.065.576		16.487.319.808		-		75.002.794.559	
Khấu hao tài sản cố định vô hình	290.689.344		417.953.468		-		-		708.642.812	

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	4.516.204.163	4.290.288.149
Tiền gửi ngân hàng	254.016.469.672	212.708.237.934
Các khoản tương đương tiền	440.000.000.000	200.000.000.000
	698.532.673.835	416.998.526.083

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm 4.000 triệu VND (1/1/2020: 4.000 triệu VND) bị hạn chế sử dụng để phục vụ việc thi hành án trong một vụ kiện mà Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, một công ty con, là nguyên đơn.

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 4,25% (1/1/2020: 5%).

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 6 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 5% đến 5,8% một năm (1/1/2020: 6% đến 7,5%).

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty liên quan		
Các công ty thuộc Petrolimex	43.089.323.928	40.408.901.531
Các bên khác		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Song Anh	112.791.232.775	50.094.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Việt Quang Phát	92.168.381.288	94.613.776.620
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	87.528.814.795	119.802.577.290
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hà Anh Phát	82.550.019.609	152.661.422.691
Công ty TNHH Thương mại Hà Anh Phát	75.275.929.890	605.902.000
Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	72.638.298.996	46.168.659.607
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Sản xuất Anh Huy	41.168.548.940	61.669.709.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành	7.237.902.167	50.059.371.586
Các khách hàng khác	882.330.748.202	1.105.925.562.822
	1.453.689.876.662	1.631.557.075.616
	1.496.779.200.590	1.671.965.977.147

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(c) Phải thu khác

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	-	723.597.078
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	9.207.870.074	10.836.599.067
Lãi tiền gửi dự thu	1.162.261.109	2.982.506.849
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.969.519.269	5.749.351.068
	15.339.650.452	20.292.054.062

(d) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	3.825.000.000	3.825.000.000
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	846.357.437	846.357.437
Đặt cọc thuê văn phòng	442.338.237	-
	5.113.695.674	4.671.357.437

(e) Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2020	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND
Nợ quá hạn			
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	66.937.697.015	(18.960.825.223)	47.976.871.792
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	56.288.680.822	(25.765.434.994)	30.523.245.828
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	42.601.427.348	(29.820.737.765)	12.780.689.583
Từ 3 năm trở lên	159.224.286.630	(159.224.286.630)	-
	325.052.091.815	(233.771.284.612)	91.280.807.203
Trong đó:			
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(233.771.284.612)	

1/1/2020	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND
Nợ quá hạn			
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	108.388.925.512	(1.396.547.407)	106.992.378.105
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	76.382.473.084	(13.542.160.310)	62.840.312.774
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	17.968.902.279	(7.298.210.455)	10.670.691.824
Từ 3 năm trở lên	160.934.352.816	(152.721.662.817)	8.212.689.999
	363.674.653.691	(174.958.580.989)	188.716.072.702
Trong đó:			
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(174.958.580.989)	

(f) Hàng tồn kho

31/12/2020		1/1/2020	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	209.994.916.494	-	129.797.440.156
Nguyên vật liệu	199.414.515.151	-	228.208.252.279
Công cụ và dụng cụ	13.016.631.308	-	15.182.830.108
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.909.213.639	-	29.765.402.341
Thành phẩm	231.915.902.821	410.263.300	159.528.817.161
Hàng hóa	373.857.791.490	2.687.439.461	427.408.220.380
	1.044.108.970.903	3.097.702.761	989.890.962.425

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 3.112 triệu VND hàng thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2020: không có).

(g) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Dụng cụ văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	744.157.132.774	461.758.724.498	200.586.275.977	29.613.896.751	1.436.116.030.000
Tăng trong năm	11.765.110.625	11.972.270.057	3.751.375.169	2.957.707.638	30.446.463.489
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	107.671.357.336	57.492.446.615	9.440.231.815	88.225.000	174.692.260.766
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.322.529.162	3.285.871.780	-	-	4.608.400.942
Thanh lý	(144.000.000)	(2.235.847.013)	(2.640.995.649)	(636.275.455)	(5.657.118.117)
Xóa sổ	(2.718.720.816)	-	-	-	(2.718.720.816)
Số dư cuối năm	862.053.409.081	532.273.465.937	211.136.887.312	32.023.553.934	1.637.487.316.264
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	283.099.015.888	235.345.672.954	132.171.637.099	22.462.044.450	673.078.370.391
Khấu hao trong năm	46.169.076.184	34.644.776.990	12.133.062.852	2.745.256.782	95.692.172.808
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	165.316.145	497.280.294	-	-	662.596.439
Thanh lý	(98.133.100)	(2.235.847.013)	(2.640.995.649)	(636.275.455)	(5.611.251.217)
Xóa sổ	(1.692.395.835)	-	-	-	(1.692.395.835)
Số dư cuối năm	327.642.879.282	268.251.883.225	141.663.704.302	24.571.025.777	762.129.492.586
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	461.058.116.886	226.413.051.544	68.414.638.878	7.151.852.301	763.037.659.609
Số dư cuối năm	534.410.529.799	264.021.582.712	69.473.183.010	7.452.528.157	875.357.823.678

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 268.945 triệu VND (1/1/2020

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính	
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	11.271.415.312
Tăng trong năm	298.000.000
Số dư cuối năm	11.569.415.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.604.861.451
Khấu hao trong năm	695.775.542
Số dư cuối năm	7.300.636.993
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.666.553.861
Số dư cuối năm	4.268.778.319

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2020: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	187.356.203.753	161.622.078.712
Tăng trong năm	53.522.388.618	146.585.925.664
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(174.692.260.766)	(120.771.261.521)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(12.320.677.371)	(77.539.102)
Giảm khác	(1.701.073.854)	(3.000.000)
Số dư cuối năm	52.164.580.380	187.356.203.753

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	1.496.667.824	23.191.357.171
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	-	18.075.697.277
Công trình xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Trà Nóc	2.901.292.566	21.100.000
Tài sản chờ lắp đặt	5.145.000.000	1.278.177.813
Các công trình khác	7.971.073.231	8.790.899.677
	17.514.033.621	51.357.231.938
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	2.233.225.499	105.023.650.860
Các dự án khác	19.262.632.997	17.523.735.053
	21.495.858.496	122.547.385.913
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	12.390.401.113	12.687.298.752
Các dự án khác	764.287.150	764.287.150
	13.154.688.263	13.451.585.902
	52.164.580.380	187.356.203.753

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ 12.390 triệu VND (1/1/2020: 117.711 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 20(b)).

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính	
VND	
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	11.271.415.312
Tăng trong năm	298.000.000
Số dư cuối năm	11.569.415.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.604.861.451
Khấu hao trong năm	695.775.542
Số dư cuối năm	7.300.636.993
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.666.553.861
Số dư cuối năm	4.268.778.319

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2020: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	187.356.203.753	161.622.078.712
Tăng trong năm	53.522.388.618	146.585.925.664
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(174.692.260.766)	(120.771.261.521)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(12.320.677.371)	(77.539.102)
Giảm khác	(1.701.073.854)	(3.000.000)
Số dư cuối năm	52.164.580.380	187.356.203.753

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	1.496.667.824	23.191.357.171
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	-	18.075.697.277
Công trình xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Trà Nóc	2.901.292.566	21.100.000
Tài sản chờ lắp đặt	5.145.000.000	1.278.177.813
Các công trình khác	7.971.073.231	8.790.899.677
	17.514.033.621	51.357.231.938
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	2.233.225.499	105.023.650.860
Các dự án khác	19.262.632.997	17.523.735.053
	21.495.858.496	122.547.385.913
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	12.390.401.113	12.687.298.752
Các dự án khác	764.287.150	764.287.150
	13.154.688.263	13.451.585.902
	52.164.580.380	187.356.203.753

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ 12.390 triệu VND (1/1/2020: 117.711 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 20(b)).

(l)Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2020		1/1/2020	
Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết
			VND		VND
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	6.600.000	43,78%	31.646.105.597	6.600.000	43,78%
					31.533.030.158

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	31.533.030.158	43.534.152.089
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	113.075.439	(12.001.121.931)
Số dư cuối năm	31.646.105.597	31.533.030.158

(m) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản vấn phòng VND	Chi phí đất trả trước (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	60.568.288.031	65.354.551.994	12.159.364.331	12.998.566.165	13.664.991.030	164.745.761.551
Tăng trong năm	-	-	8.504.818.078	24.464.595.610	14.716.001.388	47.685.415.076
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.746.880.924	3.823.469.723	5.750.326.724	12.320.677.371
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(3.945.804.503)	-	(3.945.804.503)
Phân bổ trong năm	(1.560.713.101)	(564.003.592)	(8.682.949.857)	(13.436.740.933)	(13.570.981.395)	(37.815.388.878)
Số dư cuối năm	59.007.574.930	64.790.548.402	14.728.113.476	23.904.086.062	20.560.337.747	182.990.660.617

(*) Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 49.562 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 20(b)).

(n)Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	89.804.848.721	985.524.163.548
Các công ty thuộc Petrolimex	8.237.807.997	15.721.899.712
Công ty TNHH Castrol BP PETCO	1.777.458.790	1.681.816.007
	99.820.115.508	1.002.927.879.267
Các bên khác		
Hiin Asia Pacific Pte. Ltd.	157.412.344.656	-
Petrochem Middle East Fze	76.153.526.060	-
Petronas Chemical Marketing	62.341.119.219	56.188.792.718
ITOCHU Singapore Pte. Ltd.	53.335.580.562	-
Fortrec Chemicals and Petroleum Pte., Ltd.	-	33.390.919.088
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hà Anh Phát	46.055.889.427	46.874.053.554
ELF Lubrifiants Paris	2.962.906.306	13.867.147.306
Sumitomo Corporation Asia Ptd.	15.114.202.127	-
OCI Corporation	14.072.672.296	-
Yip's Industrial Holdings Limited	40.229.092.191	-
Sinopec Chemical Commercia Hong Kong	35.729.689.966	-
Sumitomo Chemical Asia Pte. Ltd.	32.022.147.909	-
PT Posco International Indones	22.025.883.127	-
Kempar Energy Pte. Ltd.	34.804.098.166	-
LC Upas (*)	633.502.384.856	-
Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	-	43.211.518.921
Các nhà cung cấp khác	40.070.045.942	107.247.360.689
	1.265.831.582.810	300.779.792.276
	1.365.651.698.318	1.303.707.671.543

(*) Đây là các khoản phải trả nhà cung cấp đã được các ngân hàng thanh toán hộ dưới hình thức LC Upas. Tổng Công ty sẽ phải thanh toán lại cho ngân hàng trong vòng từ 3 đến 11 tháng kể từ ngày ngân hàng thanh toán hộ và chịu chi phí LC Upas theo quy định của ngân hàng.

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(o) Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

1/1/2020		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2020	
Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	VND	Phải thu	Phải nộp
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	10.554.295.794	1.322.668.987.206	(487.168.069.803)	-	7.998.734.665
Thuế nhập khẩu	-	-	23.654.479.020	(23.654.479.020)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.444.563.274	8.796.769.738	41.790.313.187	(41.355.388.877)	3.246.321.265	6.033.452.039
Thuế bảo vệ môi trường	-	4.322.625.332	55.465.571.960	(54.257.523.240)	-	5.530.674.052
Thuế thu nhập cá nhân	55.984.016	1.974.781.428	8.362.644.997	(7.863.129.280)	1.317.271	2.419.630.400
Thuế khác	164.846.394	1.765.142	2.126.193.068	(2.126.210.584)	164.845.000	1.746.232
6.665.393.684	25.650.237.434	1.454.068.189.438	(616.424.800.804)	(838.056.478.532)	3.412.483.536	21.984.237.388

(p) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	9.005.599.756	9.117.538.802
Chi phí lãi vay phải trả	579.550.423	-
Chi phí phải trả về xây dựng cơ bản và chi phí phải trả khác	5.566.262.520	4.260.000.000
15.151.412.699		13.377.538.802

(q) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả cổ tức	35.797.583.550	1.589.822.300
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.239.404.631	3.280.780.703
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	-	15.000.000.000
Các khoản phải trả khác	4.718.261.369	2.798.492.962
42.755.249.550		22.669.095.965

(*) Đây là khoản tiền Tổng công ty nhận từ Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/PLC-NHO ngày 5 tháng 2 năm 2016 giữa Tổng công ty với Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia liên quan đến dự án xây dựng tại khu đất 152 Nguyễn Khoái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia và hoàn trả khoản tiền đảm bảo trên.

(r) Vay

Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Tăng	Biến động trong năm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	31/12/2020
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Ghi sổ và số có khả năng trả nợ				Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.573.871.011.576	4.088.669.599.539	(3.827.373.170.860)	(150.416.030)	1.835.017.024.225	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	31.335.405.102	68.889.903.279	(90.258.168.091)	-	9.967.140.290	
	1.605.206.416.678	4.157.559.502.818	(3.917.631.338.951)	(150.416.030)	1.844.984.164.515	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	31/12/2020	1/1/2020
			VND	VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2,8 - 4,0	264.681.561.260	462.892.874.283
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,7	-	37.886.634.703
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,0 - 5,4	60.237.669.970	5.198.628.469
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (*)	VND	3,0 - 5,8	118.038.444.932	191.151.467.051
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	4,0 - 5,2	125.346.467.009	20.165.674.632
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,6 - 6,3	615.422.533.268	440.908.690.508
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	2,5	50.460.256.941	32.691.986.687
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	VND	6,5	-	1.994.400.717
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	USD	3,0 - 5,0	117.424.428.752	230.581.786.373
Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas (*)	VND	3,0 - 5,6	151.112.528.094	122.208.104.761
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	VND	4,0 - 7,4	332.293.133.999	28.190.763.392
			1.835.017.024.225	1.573.871.011.576

(*) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC và các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng BNP Paribas của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, một công ty con, được bảo lãnh bởi công ty mẹ là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP.

Các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	31/12/2020	1/1/2020
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex					
Khoản vay 1	VND	8,5 - 10,8	2025	18.500.000.000	22.200.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5 - 10,8	2025	6.933.330.000	8.319.998.000
Khoản vay 3	VND	8,5 - 10,8	2025	1.038.904.630	1.246.685.556
Khoản vay 4	VND	8,5 - 10,8	2025	1.143.821.282	1.372.585.538
Khoản vay 5	VND	8,5 - 10,8	2025	2.881.080.665	3.457.296.799
Khoản vay 6	VND	8,5 - 10,8	2025	1.220.734.289	1.464.882.289
Khoản vay 7	VND	8,5 - 10,8	2025	4.198.600.000	5.038.320.000
Khoản vay 8	VND	8,5 - 10,8	2025	1.680.630.700	2.016.756.700
Khoản vay 9	VND	8,5 - 10,8	2025	7.097.784.865	8.517.341.839
Khoản vay 10	VND	10,1 - 10,8	2025	5.140.800.000	6.168.960.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	Lãi suất thả nổi	2023	-	56.631.027.801
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	VND	8,9	2022	-	23.660.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)				49.835.686.431	140.093.854.522
				(99.671.140.290)	(31.335.405.102)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				39.868.546.141	108.758.449.420

Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, được đảm bảo bằng toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi – Hóa chất Petrolimex Đình Vũ (Thuyết minh 13) và quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (Thuyết minh 15).

(s) **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.470.830.816	3.650.114.962
Trích lập trong năm	9.305.361.508	15.964.493.772
Tăng khác	2.100.925.340	-
Sử dụng trong năm	(15.427.330.429)	(13.143.777.918)
Số dư cuối năm	2.449.787.235	6.470.830.816

(t) **Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	807988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(75.378.983)	338.290.620.318	20.463.604.691	150.667.802.547	1.321.349.558.573
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	145.164.161.952	145.164.161.952
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(15.964.493.772)	(15.964.493.772)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	6.910.496.093	-	(6.910.496.093)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	(129.276.105.600)	(129.276.105.600)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	562.138.586	-	-	-	562.138.586
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	610.068.449	(620.041.894)	(9.973.445)
Số dư tại ngày 1/1/2020	807988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	486.759.603	345.201.116.411	21.073.673.140	143.060.827.140	1.321.825.286.294
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	147.841.758.210	147.841.758.210
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(9.305.361.508)	(9.305.361.508)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	12.559.116.631	-	(12.559.116.631)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	(201.993.915.000)	(201.993.915.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(1.879.633.835)	-	-	-	(1.879.633.835)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	349.518.218	(349.521.030)	(2.812)
Số dư tại ngày 31/12/2020	807988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(1.392.874.232)	357.760.233.042	21.423.191.358	66.694.671.181	1.256.488.131.349

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	151.169.000.000	133.198.000.000

(y) Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2020	2019
	VND	VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.350.524.785.460	1.433.908.599.433
Bán nhựa đường	2.525.304.039.627	2.247.835.136.649
Bán hóa chất, dung môi	1.699.707.793.441	2.439.049.936.786
Bán hàng hóa khác	32.898.033.797	39.252.111.883
Doanh thu thuần	5.608.434.652.325	6.160.045.784.751

(z) Giá vốn hàng bán

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	899.020.316.093	997.926.102.080
Giá vốn nhựa đường	2.171.053.974.368	2.020.024.556.484
Giá vốn hóa chất, dung môi	1.551.616.264.017	2.267.372.368.290
Giá vốn hàng hóa khác	32.123.865.595	34.162.326.899
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.097.702.761	-
	4.656.912.122.834	5.319.485.353.753

(aa) Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	49.528.336.716	25.285.185.491
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.619.076.901	10.930.047.845
Lãi hàng bán trả chậm	8.877.677.012	7.893.643.101
	78.025.090.629	44.108.876.437

(ab) Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	106.168.503.455	127.080.101.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.626.731.297	7.468.951.020
Chi phí tài chính khác	1.222.545.382	2.690.783.971
	118.017.780.134	137.239.836.013

(ac) Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	77.022.937.338	73.421.598.503
Chi phí vận chuyển	116.666.092.107	94.443.255.429
Chi phí hỗ trợ bán hàng	88.757.738.825	69.291.314.082
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	65.067.388.654	71.954.970.249
Chi phí sửa chữa	8.131.930.173	6.852.472.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.797.871.826	42.059.846.893
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	19.217.476.614	24.187.298.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.951.680.169	34.738.361.259
Chi phí bán hàng khác	64.493.541.318	51.717.807.154
	528.106.657.024	468.666.924.531

(ad) Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	71.214.737.322	54.650.173.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.835.613.973	4.244.419.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.907.495.703	11.647.287.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	46.934.220.294	33.904.960.010
Dự phòng phải thu khó đòi	64.321.647.798	846.311.060
	204.213.715.090	105.293.152.047

(ae) Thu nhập khác

	2020	2019
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	516.115.724	21.323.877.313
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	7.911.803.805	2.306.112.341
Các khoản khác	6.414.873.010	3.950.747.866
	14.842.792.539	27.580.737.520

(af) Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.054.205.005.190	920.725.189.527
Chi phí nhân viên	187.952.950.570	167.976.660.651
Chi phí khấu hao và phân bổ	98.512.665.043	78.012.470.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.891.675.530	172.134.086.491
Chi phí khác	349.768.553.895	261.693.087.070

(ag) Thuế thu nhập doanh nghiệp
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	41.447.703.040	38.784.385.160
Dự phòng thiếu trong những năm trước	342.610.147	-
	41.790.313.187	38.784.385.160
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	316.206.233	1.412.607.873
Chi phí thuế thu nhập	42.106.519.420	40.196.993.033

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	189.948.277.630	185.361.154.985
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	37.989.655.526	37.072.230.997
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác		
áp dụng cho công ty con	493.447.695	609.808.163
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.734.579.795	1.425.707.180
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	317.292.751	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(323.361.180)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	342.610.147	-
Các khoản khác	228.933.506	1.412.607.873
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.106.519.420	40.196.993.033

Thuế suất áp dụng
Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào, công ty con cấp 2, có mức thuế suất 24%.

(ah) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân.

	2020	2019
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm		
(VND)	147.841.758.210	145.164.161.952
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(9.305.361.508)	(9.305.361.508)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	138.536.396.702	135.858.800.444
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân (cổ phiếu)	80.797.566	80.797.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.715	1.681

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở số đã trích cho năm 2019.

Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019. Theo đó, Tổng công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 9.305.361.508 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2019	2019
	(điều chỉnh lại)	(theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.681	1.599

(ai) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ		
Cổ tức	159.723.975.000	102.222.814.400
Petrolimex Singapore Pte Ltd.		
Mua hàng hóa	763.623.693.186	1.460.382.248.552
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
Bán hàng hóa	1.117.028.041.190	1.248.993.383.132
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	66.699.974.762	85.256.056.040
Mua sắm tài sản cố định	-	16.383.784.900
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	15.415.125.386	18.337.541.400
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
Các khoản vay	482.819.413.574	299.343.444.717
Trả nợ vay	188.684.183.257	343.100.572.107
Lãi vay	14.257.404.510	16.733.498.694
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP		
Bán hàng hóa	172.739.000	458.910.160
Mua dịch vụ	16.343.113.689	17.437.702.431
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.047.071.000	1.516.645.978
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	920.841.000	1.294.524.745
Phó Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	799.366.000	1.357.463.723
Thành viên Hội đồng Quản trị 1		

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Tiền lương, thù lao và thưởng	689.684.000	804.346.615
Thành viên Hội đồng Quản trị 2		
Tiền lương, thù lao và thưởng	585.231.000	613.471.994
Thành viên Hội đồng Quản trị 3		
Tiền lương, thù lao và thưởng	548.517.000	1.294.524.745
Thành viên Hội đồng Quản trị 4		
Tiền lương, thù lao và thưởng	228.956.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị 5		
Tiền lương, thù lao và thưởng	145.012.833	160.851.667
Thành viên Hội đồng Quản trị 6		
Tiền lương, thù lao và thưởng	145.012.833	160.851.667
Thành viên Hội đồng Quản trị 7		
Tiền lương, thù lao và thưởng	95.933.833	143.195.417
Thành viên Hội đồng Quản trị 8		
Tiền lương, thù lao và thưởng	49.079.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị 9		
Tiền lương, thù lao và thưởng	-	92.051.667

(aj) Các khoản tiềm ẩn

Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (“Nghị định 132”) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 và được áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế. Các quy định này được áp dụng hồi tố đối với năm tính thuế TNDN năm 2017, 2018 và 2019.

Trong năm và trong các năm 2017, 2018 và 2019, các công ty con của Tổng công ty có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 132 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Theo diễn giải của Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp công ty con này không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại các công ty con của Tổng công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn trọng yếu. Do vậy, Ban Giám đốc công ty con không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ, ước tính cho các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 lần lượt là 5.152 triệu VND, 7.204 triệu VND, 10.120 triệu VND và 4.156 triệu VND khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã không điều chỉnh ảnh hưởng của các khoản chi phí lãi vay có khả năng không được trừ này trong báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp các khoản lãi vay này không được cơ quan thuế chấp nhận, công ty con có thể phải nộp bổ sung các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng cho từng năm là 5.152 triệu VND, 7.204 triệu VND, 10.120 triệu VND và 4.156 triệu VND và có thể phát sinh các khoản phạt chậm nộp thuế.

Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng





Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 18-19, Số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở - Quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3851 3205 - 38518 066

Fax: (024) 38513 207

E-mail: plc@petrolimex.com.vn